

Số: 988 /SKH-THQH

Đắk Nông, ngày 05 tháng 5 năm 2018

V/v báo cáo đánh giá kinh tế xã hội giữa  
nhiệm kỳ giai đoạn 2016-2020

Kính gửi: Đồng chí Trần Xuân Hải - Phó Chủ tịch UBND tỉnh.  
(Tổ trưởng Tổ rà soát đánh giá giữa nhiệm kỳ theo Quyết định số 79/QĐ-UBND  
ngày 17/01/2018 của UBND tỉnh)

Thực hiện nhiệm vụ Đánh giá giữa nhiệm kỳ tình hình thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Đắk Nông, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo một số nội dung như sau:

1. Căn cứ Công văn số 1137/TĐGGNK ngày 14/3/2018 của Tổ rà soát, đánh giá giữa nhiệm kỳ về việc ban hành đề cương báo cáo và phân công nhiệm vụ, trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành, địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư tôn trọng nội dung báo cáo của các đơn vị và đã tổng hợp xây dựng dự thảo báo cáo. Tuy nhiên, qua quá trình tổng hợp, Sở Kế hoạch và Đầu tư xét thấy chất lượng báo cáo của các đơn vị phần lớn chưa đạt, nội dung chủ yếu mang tính chất liệt kê, không có phân tích đánh giá các lĩnh vực do đơn vị mình quản lý, gây khó khăn cho đơn vị tổng hợp; một số báo cáo không do thành viên Tổ rà soát thực hiện (Phó Giám đốc ký gửi báo cáo).

2. Dự thảo Báo cáo đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi lấy ý kiến các thành viên trong Tổ rà soát; Sở nhận được 8/21 văn bản góp ý (Sở Công thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính; Sở Thông tin và Truyền thông; Ban quản lý các Khu công nghiệp; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Nội vụ; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh); 11/21 thống nhất dự thảo (Sở Giao thông vận tải; Thanh tra tỉnh; Sở Ngoại vụ; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Y tế; Sở Xây dựng; Ban Dân tộc; Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ; Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng; Đài Phát thanh truyền hình; Sở Tài nguyên môi trường) và 2/21 không góp ý (Cục Thống kê; Công an tỉnh). Bên cạnh đó, một số góp ý vẫn không do thành viên Tổ rà soát thực hiện<sup>1</sup>.

3. Đối với các chỉ tiêu Tăng trưởng kinh tế (Tốc độ tăng trưởng kinh tế, Cơ cấu kinh tế, GRDP bình quân đầu người): Các chỉ tiêu Tăng trưởng kinh tế theo Nghị quyết đã đề ra hiện nay không còn phù hợp với phương pháp tính của Tổng Cục Thống kê do có sự thay đổi Hệ số chi phí trung gian trong phương pháp tính; do đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị Cục Thống kê tính toán

<sup>1</sup> Các đơn vị Phó giám đốc lý góp ý: Sở Giao thông vận tải; Thanh tra tỉnh; Sở Y tế; Ban Dân tộc; Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng; Sở Công thương; Sở Thông tin và Truyền thông; Ban quản lý các Khu công nghiệp. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội do Phó Chánh Văn phòng ký góp ý.

theo 02 phương pháp gồm theo Nghị quyết và theo sự thay đổi của Tổng Cục Thống kê; tuy nhiên, do chưa có đầy đủ số liệu nên hiện nay Cục Thống kê chỉ tính theo Nghị quyết. Vì vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá báo cáo theo Nghị quyết đã đề ra.

4. Đối với các chỉ tiêu dự kiến không đạt gồm: Tốc độ tăng trưởng kinh tế; Cơ cấu kinh tế; GRDP bình quân đầu người; Tỷ lệ hộ nghèo, đề nghị đồng chí Tổ trưởng chỉ đạo các thành viên thảo luận và đề xuất thêm các giải pháp để phân đầu thực hiện các chỉ tiêu này.

5. Thực hiện Công văn số 2384/UBND-KTKH ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, trong đó yêu cầu Tổ rà soát báo cáo UBND tỉnh trước ngày 31/5/2018, do đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị đồng chí Tổ trưởng sắp xếp tổ chức họp Tổ rà soát để hoàn thiện dự thảo Báo cáo theo quy định của UBND tỉnh.


*\* Sở Kế hoạch và Đầu tư kính gửi đồng chí Tổ trưởng và các thành viên dự thảo Báo cáo để nghiên cứu, cho ý kiến tại cuộc họp khi đồng chí Tổ trưởng tổ chức họp.*

Kính trình đồng chí xem xét, quyết định./.

**Nơi Nhận:**

- Như trên;
- Các thành viên Tổ rà soát;
- Các đ/c Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, THQH (vi).

**GIÁM ĐỐC**



**Lưu Văn Trung**

DỰ THẢO

**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội  
giữa nhiệm kỳ giai đoạn 2016-2020**

Qua nửa đầu giai đoạn thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XI, Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2018, từ đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo thực hiện cho những năm còn lại của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020. Cụ thể như sau:

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ VÀ ƯỚC KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016-2018**

**A. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH**

Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2018 diễn ra trong điều kiện tình hình quốc tế có nhiều biến động và tình hình kinh tế xã hội trong nước gặp nhiều khó khăn và thách thức:

- Về tình hình thế giới: Có nhiều diễn biến phức tạp về an ninh thế giới cũng như kinh tế: Về an ninh thế giới, nạn khủng bố lan rộng, cuộc khủng hoảng người di cư châu Âu để lại hậu quả nặng nề, thiên tai và các bệnh dịch nguy hiểm hoành hành vẫn là những mối nguy hại ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế toàn cầu; Về kinh tế thế giới có sự biến lên tục, năm 2016 kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều rủi ro như: giá cả hàng hóa giảm, nhất là giá dầu chưa ổn định; nợ doanh nghiệp ở các nước đang phát triển tăng cao, bất ổn trên các thị trường tài chính gia tăng. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay nền kinh tế thế giới hồi phục mạnh mẽ, đặc biệt và những nền kinh tế mới nổi và các nước đang phát triển, đã làm nền tảng để phát triển kinh tế đất nước. Đặc biệt là sau khi gia nhập các tổ chức thương mại của thế giới, cạnh tranh kinh tế ngày càng gay gắt, việc cắt giảm thuế theo lộ trình, xu hướng tăng cường các rào cản thương mại tại các thị trường lớn, đã gây nhiều khó khăn cho xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt khi khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu. Những biến động của thế giới ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

- Tình hình trong nước: Trên đà phục hồi của nền kinh tế thế giới, tình hình sản xuất kinh doanh trong nước có nhiều chuyển biến tích cực cụ thể: Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập ghi nhận mức cao kỷ lục, thể hiện niềm tin kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp tăng cao; Hoạt động xuất - nhập khẩu tiếp tục duy trì được xu hướng tăng trưởng cao, giá dầu thô phục hồi mạnh đã tác động tích

cực đến thu NSNN. Bên cạnh những kết quả khả quan như đã nêu ở trên thì nền kinh tế nước ta còn nhiều vấn đề tồn tại như chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, sự sụt giảm của ngành khai khoáng, giá một số mặt hàng nông sản giảm mạnh, thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra, nợ công tăng cao... đã ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng của cả nước.

- Tình hình kinh tế xã hội của tỉnh: Năm 2016 là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm nhưng kinh tế vĩ mô tăng trưởng thấp hơn dự kiến, nhiều diễn biến bất lợi do thiên tai, hạn hán xảy ra trên nhiều vùng của cả nước... ảnh hưởng không nhỏ tới phát triển của các địa phương; trong bối cảnh Trung ương thực hiện chính sách thắt chặt đầu tư công đã tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Từ năm 2017 đến nay, điều kiện kinh tế của tỉnh có nhiều khởi sắc, thời tiết mưa nhiều thuận lợi cho sản xuất thủy điện, nhà máy Alumin sản xuất vượt kế hoạch, nên tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng đạt nhiều kết quả tích cực, tạo được nhiều động lực phát triển cho cả giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau:

## **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN**

Năm 2015, khi biên soạn Nghị quyết Đại hội để xây dựng các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 thì một số chỉ tiêu của năm 2015 (năm gốc) mới chỉ là số liệu ước tính; bên cạnh đó, một số chỉ tiêu thay đổi phương pháp tính, thay đổi định mức tiêu chuẩn...; do đó, cần phải điều chỉnh số liệu năm gốc để làm cơ sở đánh giá so sánh kết quả của giai đoạn 2016-2020; cụ thể các số liệu thay đổi:

- Về GRDP: Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh năm 2015 tạm ước theo Nghị quyết là 14.776 tỷ đồng, tuy nhiên kết quả thực hiện là 15.170 tỷ đồng. Chỉ tiêu này phần nào ảnh hưởng đến đánh giá kết quả thực hiện Tốc độ tăng trưởng giai đoạn của tỉnh.

- Về dân số: Dân số trung bình năm 2015 tạm ước theo Nghị quyết là 578.159 người, tuy nhiên thực tế dân số trung bình năm 2015 là 583.912 người. Chỉ tiêu này ảnh hưởng tới dự báo dân số chung cho các năm và chỉ tiêu GRDP bình quân đầu người hàng năm.

- Về Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Thu ngân sách năm 2015 tạm ước theo Nghị quyết là 1.405 tỷ đồng, tuy nhiên thực tế thu ngân sách năm 2015 là 1.523 tỷ đồng. Chỉ tiêu này ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng bình quân Thu ngân sách nhà nước hàng năm.

Trên cơ sở chuẩn xác lại số liệu năm 2015, UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện và dự báo các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2018 như sau:

1. Tăng trưởng kinh tế: Tốc độ tăng trưởng trung bình 2016-2018 là 7,98%, trong đó: Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 15,72%; Khu vực nông, lâm ngư

ng nghiệp tăng 5,82%; Khu vực dịch vụ tăng 7,53%; Khu vực thuế tăng 8,38%/KH 5 năm là trên 9%<sup>(1)</sup>; dự kiến không đạt.

2. Cơ cấu kinh tế đến năm 2018: Khu vực nông nghiệp chiếm 47,98%; Khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 15,46%; khu vực dịch vụ chiếm 31,35%; khu vực thuế chiếm 5,21%/ KH 5 năm là 43,55% - 22,08% - 28,67% - 5,7%; dự kiến không đạt kế hoạch.

3. GRDP bình quân đầu người năm 2018 ước đạt 44,87 triệu đồng/KH 5 năm là trên 54 triệu đồng; dự kiến không đạt kế hoạch.

4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân giai đoạn 2016-2018 là 17%/KH 5 năm là 14%; dự kiến đạt kế hoạch.

5. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016-2018 tăng bình quân 14,7%/KH 5 năm là trên 12%; dự kiến đạt kế hoạch.

6. Hạ tầng giao thông: Tỷ lệ nhựa hoá đường toàn tỉnh đạt 61%/KH năm là 64%; trong đó, tỷ lệ nhựa hóa đường huyện đạt 92%/KH 5 năm là 100%; dự kiến đạt kế hoạch.

7. Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị: Đảm bảo nguồn nước cho 76% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới/KH 5 năm 70%; 88% hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh/KH 5 năm 90%; 96% hộ dân thành thị sử dụng nước sạch/KH 5 năm 100%; tỷ lệ đô thị hoá 26%/KH 5 năm 30%; dự kiến đạt kế hoạch.

8. Hạ tầng cấp điện: 97,5% số hộ được sử dụng điện/KH 5 năm 99%; dự kiến đạt kế hoạch.

9. Dân số: Tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân 1,1%/KH 5 năm 1,1%; Dân số là 635 ngàn người/KH 5 năm 647 ngàn người; dự kiến đạt kế hoạch.

10. Lao động và việc làm: Tổng số lao động được tạo việc làm giai đoạn 2016-2018 là 54,399 ngàn người/KH 5 năm 90 ngàn người; Đào tạo nghề cho 12,213 ngàn người/KH 5 năm 19 ngàn người; dự kiến đạt kế hoạch.

11. Giảm nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016-2018 mỗi năm giảm 1,56%/KH 5 năm giảm 2%, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm 4,98%/KH 5 năm giảm 5%; dự kiến không đạt kế hoạch.

12. Y tế: 56,3% xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế/KH 5 năm 71,8%; 84,9% dân số tham gia bảo hiểm y tế/KH 5 năm 82,1%; dự kiến đạt kế hoạch.

13. Giáo dục: Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia trung bình 9 trường/KH 5 năm là 8 trường; 68% dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học/KH 5 năm là 70%; dự kiến đạt kế hoạch.

14. Văn hóa: 30% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn văn hóa nông thôn mới/ KH 5 năm 20%; dự kiến đạt kế hoạch.

<sup>1</sup> Tốc độ tăng trưởng kinh tế không đạt kế hoạch đề ra trung bình 9%/năm, nguyên nhân chủ yếu là do năm 2016 sản phẩm Alumin không đạt kế hoạch và năm 2018 dự kiến chưa có sản phẩm Nhôm (Sản lượng Alumin năm 2016 là 30 ngàn tấn/Kế hoạch 350 ngàn tấn).

15. Nông thôn mới: có 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới/ KH 5 năm là 18 xã, mỗi xã đạt bình quân 12,8 tiêu chí trở lên/KH 5 năm là 15 xã; dự kiến đạt kế hoạch.

## **C. KẾT QUẢ CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, ĐẢM BẢO AN NINH QUỐC PHÒNG**

### **I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

#### **1. Tăng trưởng GRDP và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh thực hiện năm 2016 là 16.243 tỷ đồng so với nghị quyết là 16.198 tỷ đồng; năm 2017 thực hiện đạt 17.759 tỷ đồng, so với nghị quyết là 17.321 tỷ đồng, tăng 2,5% so với nghị quyết đã đề ra. Tốc độ tăng trưởng thực hiện năm 2016, 2017 và dự kiến năm 2018 lần lượt là 7,08% ; 9,33%; 7,16%, so với nghị quyết là 9,62%; 6,93%; 11,86% dự kiến không đạt kế hoạch đề ra. Nguyên nhân kế hoạch tăng trưởng không đạt kế hoạch đề ra chủ yếu là do nhà máy alumin Nhân Cơ chưa và nhà máy luyện nhôm không đi vào hoạt động đúng như thời gian dự kiến nên không có sản phẩm dự kiến như khi xây dựng nghị quyết. Nhìn chung, kết quả tăng trưởng của khu vực 1 và khu vực 3 luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng của nghị quyết đã đề ra; khu vực 2 không đạt kế hoạch đề ra do phụ thuộc vào sản phẩm alumil và sản phẩm nhôm.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo định hướng tích cực <sup>(2)</sup>. Tuy nhiên, việc chuyển diễn ra chậm, khu vực Thương mại dịch vụ, khu vực thuế còn tăng giảm thất thường; chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

#### **2. Công nghiệp**

Sản xuất công nghiệp phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về chế biến nông, lâm sản; khai thác, chế biến khoáng sản; đầu tư phát triển thủy điện, đặc biệt trong kỳ nhà máy alumin Nhân Cơ đi vào hoạt động ổn định, thời tiết thuận lợi cho hoạt động của các nhà máy thủy điện góp phần quan trọng vào tăng trưởng của ngành. Chỉ số sản xuất công nghiệp ước bình quân tăng 29%; tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp giai đoạn 2016-2018 ước đạt 17,6%.

Mặc dù sản xuất công nghiệp có bước phát triển; tuy nhiên, tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt 24.179 tỷ đồng/kế hoạch 30.375 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu là do nhà máy Alumin Nhân Cơ đi vào hoạt động chậm hơn dự kiến và nhà máy điện phân Nhôm đến nay vẫn đang đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động như kế hoạch; một số sản phẩm khó khăn về vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ nên sản lượng đạt thấp so với kế hoạch đề ra. Phần lớn các cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, tính cạnh tranh không cao, việc mở rộng thị trường còn hạn chế.

<sup>2</sup> Cụ thể qua các năm như sau: Khu vực nông, lâm, thủy sản giảm từ 50,07% năm 2016 xuống còn 49,18% năm 2017 và dự kiến xuống còn 48,04% năm 2018; Khu vực Công nghiệp, xây dựng tăng từ 13,11% năm 2016 lên 15,14% năm 2017 và dự kiến tăng lên 15,35% năm 2018; Khu vực Dịch vụ tăng từ 31,69% năm 2016 giảm xuống 30,21% năm 2017 và dự kiến tăng lên 31,39 năm 2018; Khu vực thuế sản phẩm tăng từ 5,13% năm 2016 lên 5,47% năm 2017 và dự kiến giảm còn 5,22 năm 2018

Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 2 khu công nghiệp đã được thành lập là khu công nghiệp Tâm Thắng và khu công nghiệp Nhân cơ<sup>(3)</sup>. Dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật bên trong và bên ngoài hàng rào khu công nghiệp Nhân Cơ đang gấp rút triển khai thực hiện, dự kiến cơ bản hoàn thành trong tháng 6/2018 để bàn giao cho Nhà đầu tư. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 05 cụm công nghiệp, trong đó, 02 cụm công nghiệp đã đầu tư nhưng chưa hoàn thiện, 03 cụm công nghiệp chưa đầu tư theo kế hoạch đề ra<sup>(4)</sup>. Nhìn chung các cụm công nghiệp hoạt động không hiệu quả, nguyên nhân, do giá thuê mặt bằng cao, năng lực của các nhà đầu tư còn hạn chế, thiếu nguồn nguyên liệu sản xuất.

### 3. Nông nghiệp và nông thôn

Sản xuất nông nghiệp phát triển, giữ được vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội; tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016-2018 ước đạt 5,82%/kế hoạch 5,27%.

Quy mô và sản lượng ngành trồng trọt tăng<sup>(5)</sup>; năng suất các loại cây trồng tăng nhờ vào việc cải thiện chất lượng giống cây trồng; tuy nhiên, giá cả một số sản phẩm chủ lực biến động thất thường<sup>(6)</sup> ảnh hưởng đến tâm lý và thu nhập của người dân; diện tích cây trồng phát triển phụ thuộc vào diễn biến thị trường tiềm ẩn rủi ro cao. Diễn biến thời tiết bất thường làm phát sinh, phát triển một số loại dịch hại gây hại trên một số cây trồng, ngành nông nghiệp kịp thời hướng dẫn, giảm thiểu thấp nhất thiệt hại cho người sản xuất. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong những năm qua còn nhiều tồn tại bất cập, dịch chuyển không bền vững, người dân phát triển phụ thuộc vào diễn biến của thị trường. Tình hình ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp được chú trọng, đã thí điểm nhiều mô hình sản xuất giống cây, giống con có năng suất cao, chất lượng tốt và an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, quy mô với mức độ đầu tư của các mô hình công nghệ cao này còn ở bước khởi đầu, chưa xứng đáng với tiềm năng và thế mạnh phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Tổng đàn chăn nuôi tăng<sup>(7)</sup>, xu hướng chuyển từ chăn nuôi nông hộ sang chăn nuôi trang trại tập trung; các dự án, chương trình hỗ trợ góp phần nâng cao chất lượng, chính sách định hướng phát triển của tỉnh phát huy hiệu quả. Nuôi trồng và khai thác thủy sản tăng dần theo từng năm, bà con đã tích cực tận dụng thêm mặt nước tại các hồ thủy điện để nuôi cá lồng, bè<sup>(8)</sup>. Công tác thú y, kiểm

<sup>3</sup> Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp Tâm Thắng là 80,7%; Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp Nhân cơ là 86,5%.

<sup>4</sup>CCN Thuận An, huyện Đăk Mil, đã thực hiện giải phóng mặt bằng giai đoạn I được 24,9 ha, thu hút được 15 dự án, với tỷ lệ lấp đầy CCN là 69,5%; CCN BMC, huyện Đăk G'long, với diện tích quy hoạch chi tiết là 37,41 ha, hiện tại vẫn chưa thu hút được dự án đầu tư vào hoạt động sản xuất; CCN Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, CCN Krông Nô, huyện Krông Nô, CCN Đăk Song, huyện Đăk Song chưa triển khai thực hiện

<sup>5</sup>Năm 2018, tổng diện tích gieo trồng đạt 334 ngàn ha, tăng 33 ngàn ha so với đầu giai đoạn, tổng sản lượng lương thực đạt 415 ngàn tấn, tăng 2 ngàn tấn so với đầu giai đoạn.

<sup>6</sup>Giá tiêu, giá cà phê giảm sâu

<sup>7</sup>Năm 2018, tổng đàn trâu đạt 5.000 con, giảm 3.000 con; Tổng đàn bò đạt 33.000 con, tăng 6.500 con; Tổng đàn lợn đạt 240.000 con, tăng 77.000 con; Tổng đàn gia cầm đạt 2,2 triệu con, tăng 820 ngàn con; Tổng lượng thịt xuất chuồng đạt 45 ngàn tấn, tăng 22,4 ngàn tấn so với đầu nhiệm kỳ.

<sup>8</sup> Năm 2018, diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 1.700 ha, sản lượng đạt 4.850 tấn, tăng 50 ha và 650 tấn so với đầu giai đoạn.

dịch, tiêm phòng, giết mổ được chú trọng dịch bệnh được kiểm soát, ngăn chặn kịp thời các ổ dịch bùng phát, không để xảy ra các dịch bệnh lớn trên địa bàn.

Công tác trồng rừng tập trung tích cực triển khai thực hiện, dự kiến đến hết năm 2018 trồng được 4.702 ha/kế hoạch 5 năm là 5.500ha, dự kiến vượt kế hoạch 5 năm đặt ra. Tuy nhiên, công tác trồng rừng thay thế không đạt kế hoạch đề ra, do không có quỹ đất để trồng rừng. Tỷ lệ che phủ rừng qua hai năm 2016-2017 đều không đạt kế hoạch đặt ra, năm 2017 đạt 39,42% trên kế hoạch 40,5%. Tình hình vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng diễn ra ngày càng nghiêm trọng (tăng cả số vụ lẫn diện tích bị phá)<sup>(9)</sup>. Nguyên nhân, vai trò của người đứng đầu ở một số địa phương, đơn vị chưa được phát huy tốt trong lãnh đạo chỉ đạo; một số cán bộ, đảng viên, công chức trình độ chưa đáp ứng yêu cầu, trách nhiệm không cao; các đơn vị liên quan chưa phối hợp trong công tác xử lý; nhận thức, hiểu biết về pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế.

Chương trình phát triển nông thôn mới được Lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, nên tập trung nhiều nguồn vốn để triển khai thực hiện. Qua đó, cơ sở hạ tầng nông thôn dần được đổi mới, đời sống và thu nhập người dân từng bước được cải thiện. Tính đến hết năm 2017, toàn tỉnh có 10/61 xã đạt chuẩn nông thôn mới<sup>(10)</sup>, bình quân mỗi xã đạt 11,84 tiêu chí/xã và không còn xã nào dưới 5 tiêu chí. Ước thực hiện đến hết năm 2018 toàn tỉnh sẽ đạt 17/61 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, bình quân mỗi xã đạt 12,8 tiêu chí/xã; dự kiến vượt kế hoạch theo nghị quyết 5 năm của tỉnh đã đề ra.

#### **4. Thương mại, dịch vụ và du lịch**

Hoạt động thương mại tiếp tục phát triển, hàng hóa được phân phối lưu thông thông suốt, cung cầu được đảm bảo. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2016-2018 là 38.640 tỷ đồng. Hạ tầng thương mại được quan tâm đầu tư, bên cạnh hệ thống chợ, cửa hàng tiện lợi; hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại được hình thành, góp phần tích cực trong việc cung ứng hàng hóa cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân<sup>(11)</sup>. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường đã được quan tâm, tăng cường và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong sản xuất, kinh doanh phân bón; thuốc bảo vệ thực vật; vệ sinh an toàn thực phẩm; chống gian lận thương mại, vận chuyển, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng.

Hiện nay, toàn tỉnh có 52 đơn vị tham gia hoạt động vận tải gồm có 13 hợp tác xã và 39 doanh nghiệp; chất lượng dịch vụ vận tải ngày càng được nâng cao,

<sup>9</sup> Lũy kế trong hai năm 2016-2017 có 2.061 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, trong đó xảy ra 932 vụ phá rừng, gây thiệt hại 437, 3 ha rừng; tổng số vụ đã xử lý là 2.040 vụ. Lũy kế từ đầu năm 2018 đến ngày 13/4/2018 tổng số vụ vi phạm luật bảo vệ phát triển rừng là phá rừng trái pháp luật lập biên bản xử lý là 213 vụ, gây thiệt hại 81,411 ha.

<sup>10</sup> Xã Đạo Nghĩa, Nhân Cơ, Nhân Đạo, Nghĩa Thắng, Đắc Wer, Kiến Thành, Đắc Ru, Quảng Tín huyện Đắc R'láp; xã Tâm Thắng, Nam Dong, Trúc Sơn huyện Cư Jút; xã Đức Minh, Đắc Sắk, Thuận An huyện Đắc Mil; xã Nam Đà huyện Krông Nô; xã Đắc Nĩa thị xã Gia Nghĩa; Xã Năm N'Jang huyện Đắc Song.

<sup>11</sup> Toàn tỉnh hiện có 45 chợ/71 xã, phường, thị trấn; 01 Trung tâm thương mại Kiến Đức, huyện Đắc R'Lấp; 01 Siêu thị hạng III tại thị xã Gia Nghĩa; 01 trung tâm phức hợp, huyện Cư Jút.



các tuyến vận tải được mở rộng đến nhiều tỉnh thành trong cả nước phục vụ nhu cầu của người dân.

Hoạt động du lịch đã được các cấp ủy đảng quan tâm chỉ đạo, đã ban hành nhiều kế hoạch, chương trình hành động cụ thể và thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển du lịch. Các khu, điểm du lịch<sup>(12)</sup> được xây dựng, đầu tư nâng cấp để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng tại Đắk Nông. Tổng lượt khách du lịch từ năm 2016 đến nay ước đạt 638 ngàn lượt khách, trong đó, khách quốc tế 15,5 ngàn lượt. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được triển khai với nhiều hình thức đa dạng... Tuy nhiên, các sản phẩm du lịch còn thiếu, mới chỉ hình thành hệ thống các cơ sở lưu trú du lịch, các sản phẩm về tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí chỉ mới đầu tư bước đầu, quy mô nhỏ lẻ; hệ thống giao thông, điện và hạ tầng viễn thông đến các khu, điểm du lịch chưa được đầu tư nâng cấp; tiến độ triển khai các dự án du lịch còn chậm.

Hoạt động xuất khẩu tiếp tục được đẩy mạnh, thị trường xuất khẩu tiếp tục duy trì và mở rộng, đến nay đã xuất khẩu đến 35 quốc gia và vùng lãnh thổ, trên cơ sở phát huy được những mặt hàng chủ lực thuộc thế mạnh của tỉnh như cà phê, hạt tiêu, hạt điều, cao su, alumin... Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2016-2018, dự kiến đạt 2.831 triệu USD, đạt 66% kế hoạch 5 năm. Nhập khẩu về cơ bản đã phục vụ tốt cho nhu cầu về nguyên liệu, đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị cho phát triển sản xuất, xuất khẩu, góp phần nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa. Kim ngạch nhập khẩu giai đoạn 2016-2018 dự kiến thực hiện 452 triệu USD, đạt 68% kế hoạch 5 năm.

## 5. Đầu tư phát triển

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 do tỉnh quản lý là 8.409,801 tỷ đồng (chưa bao gồm dự phòng 846,994 tỷ đồng)<sup>(13)</sup>. Đến nay, sau gần 03 năm triển khai thực hiện, kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đạt khá, đã phân bổ thực hiện 5.137,593 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch<sup>(14)</sup>. Nhìn chung, việc bố trí kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn năm 2016-2020 của Trung ương mới đạt ở mức độ trung bình (bình quân 20%/năm) chưa đáp ứng được nhu cầu để thực hiện các chương trình cấp bách ở địa phương, trong khi nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội của tỉnh là rất lớn, đặc biệt là những năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm của tỉnh. Bên cạnh đó còn gặp một số khó khăn khác như: Trung ương phân bổ vốn hàng năm cho các chương trình MTQG, TPCP còn chậm,

<sup>12</sup> Hiện có 7 dự án có chủ trương gồm Khu du lịch sinh thái văn hóa cụm thác Dray Sáp - Gia Long, xã Đắk Sôr, huyện Krông Nô; Điểm du lịch sinh thái thác Trinh Nữ, thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút; Điểm du lịch sinh thái số 1 thác Đắk G'lun, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức; Thiền viện Trúc Lâm Đạo Nguyên thuộc Khu du lịch sinh thái văn hóa lịch sử Năm Nung, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song; Tu viện Liễu Quán thuộc Khu du lịch sinh thái văn hóa Tà Đùng, xã Đắk Som, huyện Đắk G'Long. Dự án nông nghiệp công nghệ cao và du lịch sinh thái Phước Sơn tại huyện Đắk R'Lấp; Khu du lịch Thiên Hiếu về trái tim tại Khu du lịch sinh thái văn hóa lịch sử Năm Nung

<sup>13</sup> Nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia là 581,5 tỷ đồng; Nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu là 3.225,842 tỷ đồng; Nguồn vốn ODA là 811,059 tỷ đồng; Nguồn trái phiếu Chính phủ là 771,3 tỷ đồng; Nguồn ngân sách địa phương là 3.020,1 tỷ đồng.

<sup>14</sup> Phân bổ chi tiết cho từng nguồn vốn cụ thể như sau: Các Chương trình mục tiêu ngân sách trung ương hỗ trợ đã thực hiện phân bổ cho tỉnh được 1.674,371 tỷ đồng, đạt 52% kế hoạch; Chương trình mục tiêu quốc gia đã thực hiện phân bổ 244,282 tỷ đồng, đạt 42% kế hoạch; vốn TPCP đã phân bổ 641,3/771,3 tỷ đồng, đạt 83% kế hoạch; vốn cân đối ngân sách địa phương đã phân bổ 1.852,421/3020 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch.

phân thành nhiều đợt, gây khó khăn trong quá trình triển khai, dẫn đến giải ngân kế hoạch còn thấp đối với các nguồn vốn này, một số dự án không được bố trí thanh toán nợ sau khi được quyết toán hoàn thành nhưng số quyết toán cao hơn mức phân bổ trong trung hạn, dẫn đến gây nợ đọng xây dựng cơ bản. Nguồn lực nội tình còn nhiều khó khăn, trong khi nhu cầu thanh toán nợ xây dựng các công trình, dự án ngân sách Trung ương dùng hỗ trợ là rất lớn, tạo gánh nặng trong cân đối ngân sách địa phương.

Trong các năm qua thực hiện chính sách thắt chặt đầu tư công nên nguồn ODA là một nguồn vốn quan trọng để phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Với sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và sự nỗ lực của các ngành, Tronggiai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Đắk Nông được đầu tư 811,059 tỷ đồng, thực hiện triển khai 08 dự án đã ký hiệp định vay<sup>(15)</sup>. Qua hơn 2 năm triển khai, nguồn vốn này thực hiện khá tốt, đảm bảo cam kết các hiệp định, dự kiến sẽ thực hiện xong trước kế hoạch đặt ra. Đến nay, đã triển khai phân bổ được 725,219 tỷ đồng, đạt 89% kế hoạch. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn gặp một số khó khăn như: thời gian xem xét và phê duyệt danh mục tài trợ kéo dài; thời gian chuẩn bị chương trình, dự án ODA, bao gồm từ bước đề xuất ý tưởng dự án cho đến khi ký kết với nhà tài trợ thường mất khoảng 2 - 3 năm. Chất lượng văn kiện dự án chưa đáp ứng được yêu cầu, còn những vướng mắc liên quan đến quy định quản lý rút vốn, liên quan đến cơ chế tài chính trong nước đối với các khoản vay ODA và vốn vay ưu đãi. Hơn nữa, mỗi nhà tài trợ có quy trình, thủ tục khác nhau và khác biệt so với quy trình thủ tục đầu tư trong nước. Trong kế hoạch giai đoạn 2016-2020 Trung ương giao cho tỉnh không đủ mức vốn ODA theo hiệp định, có 02 dự án được ký kết sau ngày 30/9/2016 chưa được đưa vào danh mục kế hoạch trung hạn nên đến nay chưa thể triển khai thực hiện theo cam kết với nhà tài trợ<sup>(16)</sup>. Một số dự án gặp khó khăn trong cơ chế quản lý, thực hiện gây ảnh hưởng tiến độ thực hiện kế hoạch nguồn vốn như Chương trình mở rộng quy mô nước sạch nông thôn dựa trên kết quả.

Tình hình kêu gọi các dự án NGO đã được các cấp, các ngành chú trọng, cụ thể từ năm 2016 đến nay, đã kêu gọi thêm mới được 4 dự án, nâng tổng số dự án NGO trên địa bàn tỉnh có 6 dự án. Nhìn chung, các dự án do các tổ chức phi chính phủ nước ngoài triển khai trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật và những cam kết giữa tổ chức với địa phương, đóng góp tích cực trong quá trình phát triển kinh tế của địa phương. Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số khó khăn và hạn chế, cụ thể: Các dự án viện trợ của tổ chức phi chính phủ nước ngoài chủ yếu được thực hiện tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, có đông đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ dân trí thấp, điều kiện kinh tế

<sup>15</sup> 08 dự án gồm: 03 dự án vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á: Dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2; Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên; Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới; 05 dự án vốn vay Ngân hàng Thế giới: Dự án hỗ trợ xử lý chất thải y tế bệnh viện, tỉnh Đắk Nông; Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên, tỉnh Đắk Nông; Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập; Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả; Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VNSAT)

<sup>16</sup> Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới và dự án Trường Cao đẳng cộng đồng

khó khăn dẫn đến tình hình an ninh chính trị một số nơi thực hiện dự án đã bộc lộ vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh quốc gia. Các ngành và địa phương chưa chủ động, tích cực trong công tác thu hút các nguồn vốn viện trợ tổ chức phi chính phủ nước ngoài về cho tỉnh; Chưa phối hợp tốt giữa các cơ quan liên quan trong công tác quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Công tác quản lý và theo dõi, báo cáo đánh giá kết quả viện trợ của các đơn vị quản lý cấp địa phương nơi triển khai dự án chưa đầy đủ, kịp thời; Vấn đề đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình để tiếp các tổ chức triển khai các chương trình, dự án tài trợ tại tỉnh chưa được chú trọng đúng mức.

Tình hình thu hút các dự án FDI đã có những chuyển biến, cụ thể từ năm 2016 đến nay đã thu hút được 4 dự án FDI với số vốn đăng ký là hơn 1.211 tỷ đồng, chủ yếu là các dự án nông nghiệp và điện năng lượng tái tạo, nâng tổng số dự án FDI trên địa bàn tỉnh hiện nay là 7 dự án với số vốn đăng ký là 500 triệu USD. Tuy nhiên, việc thu hút các dự án FDI còn chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh của tỉnh, các dự án thu hút chủ yếu vào lĩnh vực nông nghiệp với quy mô nhỏ nên sau khi đi vào hoạt động chưa đóng góp nhiều cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Nguyên nhân của vấn đề trên là do: công tác thu hút đầu tư còn hạn chế, trình độ ngoại ngữ của cán bộ làm công tác xúc tiến và thu hút các dự án FDI chưa đáp ứng nhu cầu, quỹ đất sạch để bố trí cho các dự án thuộc lĩnh vực này còn hạn chế, quy hoạch còn chồng chéo, chưa đồng bộ, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thu hút đầu tư.

Tình hình thu hút và xúc tiến đầu tư được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân tỉnh. Nên từ đầu năm 2016 đến tháng 4/2018 tỉnh cấp chủ trương đầu tư cho 52 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư trên 6.760 tỷ đồng<sup>17</sup>. Đến nay, có 8 dự án đã hoàn thành đi vào sản xuất kinh doanh góp một phần nhỏ vào công tác xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; 38 dự án mới được cấp chủ trương đầu tư đang triển khai thực hiện, 4 dự án đã thu hồi. Các dự án thu hút đầu tư vào tỉnh Đắk Nông đã dần chuyển dịch theo hướng chiều sâu, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, cũng như tiềm năng, lợi thế của địa phương. Tuy nhiên, việc thu hút đầu tư vào tỉnh cũng còn hạn chế nhất định, quy mô thu hút các dự án còn nhỏ, chưa có những dự án lớn, có tính tác động đến tình hình kinh tế - xã hội của địa phương. Nguyên nhân của sự hạn chế nêu trên là do: Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội còn hạn chế, Quỹ đất sạch hoặc quỹ đất trong nông nghiệp để tạo thành cánh đồng mẫu lớn rất ít, nên khi nhà đầu tư đến tìm hiểu thì thường vướng về vấn đề này, công tác hỗ trợ đầu tư chưa đến kết quả cuối cùng, thủ tục về đất đai để thực hiện dự án còn nhiều bất cập, thông tin phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chưa thực sự minh bạch, vẫn còn tình trạng chồng chéo trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng còn nhiều khó khăn. Công tác

<sup>17</sup> Các dự án tập trung vào 04 lĩnh vực sau đây: Lĩnh vực công nghiệp xây dựng: 18 dự án, chiếm tỷ lệ 34,6 %; Lĩnh vực nông lâm nghiệp: 16 dự án, chiếm tỷ lệ 30,7 %; Lĩnh vực thương mại dịch vụ: 8 dự án, chiếm tỷ lệ 15,4 %; Lĩnh vực xã hội hoá: 10 dự án, chiếm tỷ lệ 19,3 %.

đào tạo nguồn lao động chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp...

## **6. Hoạt động Ngân hàng, thu chi ngân sách**

### **a. Hoạt động Ngân hàng**

Trong các năm qua, nền kinh tế của tỉnh phát triển ổn định nên hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh có nhiều tín hiệu khả quan. Từ năm 2016 đến nay đã thành lập một chi nhánh ngân hàng và 01 quỹ tín dụng<sup>(18)</sup>. Các tổ chức tín dụng đã tập trung đầu tư hoàn thiện các cơ sở hạ tầng phục vụ tốt cho hoạt động dịch vụ tín dụng, đã tích cực triển khai nhiều biện pháp huy động vốn có hiệu quả với nhiều hình thức mới, đa dạng, kèm theo các hình thức khuyến mãi, chăm sóc khách hàng chu đáo nên đã thu hút được một lượng lớn nguồn tiền nhà rỗi trong dân cư. Tính đến 30/4/2018 tổng nguồn vốn huy động đạt 7.451 tỷ đồng. Tổng dư nợ tín dụng đạt 22.592 tỷ đồng. Trong đó, dư nợ trung hạn và dài hạn là 10.039 tỷ đồng, dư nợ cho vay ngắn hạn là 12.553 tỷ đồng.

Cơ cấu cho vay giữa các lĩnh vực cũng có chuyển biến mang tính tích cực, cụ thể như sau: dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn ước đạt 15.595 tỷ đồng, chiếm 73,23% tổng dư nợ; dư nợ cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt 2.284 tỷ đồng, chiếm 10,1%; dư nợ cho vay nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp sạch đạt 30 tỷ đồng chiếm 0.01%; tín dụng chính sách (tại Ngân hàng CSXH tỉnh) đạt 2.212 tỷ đồng, chiếm 9,7%.

Trong thời gian qua tình hình lãi suất tương đối ổn định. Lãi suất huy động ngắn hạn phổ biến từ 4,3-5,5%/năm, lãi suất huy động từ 12 tháng trở lên phổ biến từ 7,1-7,5%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức từ 5,5-11%/năm, cho vay trung, dài hạn phổ biến ở mức từ 6,5 - 12%/năm. Tỷ lệ nợ xấu được khống chế dưới 1% tổng vốn dư nợ, nằm trong tầm kiểm soát của các tổ chức tín dụng.

### **b) Thu, chi ngân sách**

Tổng thu ngân sách nhà nước từ năm 2016 đến nay có nhiều chuyển biến tích cực, tính đến tháng 6/2018 thu ngân sách ước đạt 5.053 tỷ đồng, đạt 50% kế hoạch 5 năm; ước thực hiện 2016-2018 đạt 6.122 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt trên 17%<sup>(19)</sup>. Trong đó, thu nội địa chiếm 93% tổng thu ngân sách hàng năm, cao hơn so với tỷ lệ bình quân của cả nước là 18%. Tổng chi ngân sách địa phương từ năm 2016 đến tháng 6/2018 ước đạt 13.768 tỷ đồng, đạt 44% kế hoạch 5 năm, ước thực hiện 2016-2018 đạt 17.345 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 11%, với tốc độ bình quân hiện nay. Trong đó, chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương bình quân 28% (cao hơn bình quân của cả nước là 27%), chi thường

<sup>18</sup> Đến nay, mạng lưới hoạt động của ngành Ngân hàng tỉnh gồm có: NHNN Chi nhánh tỉnh; 01 Chi nhánh NHTM 100% vốn nhà nước (NHNo&PTNT); 02 Chi nhánh NHTMCP Nhà nước chiếm cổ phần chi phối (NHTMCP Đầu tư và Phát triển, NHTMCP Công thương); 03 Chi nhánh NHTMCP (NHTMCP Sài Gòn Thương tín, Đông Á, Bưu điện Liên Việt); 01 Chi nhánh Ngân hàng CSXH và 03 QTDND; với 25 Chi nhánh cấp huyện và Phòng giao dịch. Riêng NHCHXH tỉnh có 07 PGD tại 07 huyện, 71 điểm giao dịch tại 71 xã, phường và 1.378 tổ tiết kiệm vay vốn trên toàn tỉnh.

<sup>19</sup> Năm 2016 tăng 25,2% so với năm 2015; năm 2017 tăng 17,2% so với năm 2016; năm 2018 dự kiến tăng 11,5% so với năm 2017.

xuyên chiến tỷ trọng trung bình 72% (trong đó, chỉ cho giáo dục và dạy nghề chiếm 39% trong chi thường xuyên hàng năm). Với kết quả thực hiện như trên, dự kiến hoàn thành hoặc vượt kế hoạch 5 năm đã đề ra.

## **7. Doanh nghiệp và cải thiện môi trường kinh doanh**

### **a. Phát triển doanh nghiệp**

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến tháng 6/2018 tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập là 1.236 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 3.943 tỷ đồng. nâng con số doanh nghiệp trên toàn tỉnh có 4.328 doanh nghiệp, trong đó có 2.930 doanh nghiệp đang hoạt động có phát sinh thuế và 1.314 doanh nghiệp đang bị cơ quan đăng ký kinh doanh ban hành quyết định thu hồi do bỏ địa chỉ kinh doanh<sup>(20)</sup>. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp doanh nghiệp nhỏ và vừa, siêu nhỏ<sup>(21)</sup>; tập trung đầu tư kinh doanh ở lĩnh vực thương mại, dịch vụ, vận tải 50,36%, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 20,42%, lĩnh vực nông lâm nghiệp chiếm 5,67%, còn lại là các lĩnh vực khác chiếm 23,55%. Thời gian qua cơ cấu doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực có sự biến đổi tăng nhẹ ở các lĩnh vực thương mại dịch vụ, lĩnh vực nông nghiệp, giảm ở lĩnh vực công nghiệp xây dựng.

### **b. Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước**

Các công ty công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước mới được sắp xếp nên chưa có chuyển biến tích cực, đặc biệt các công ty lâm nghiệp hoạt động chủ yếu là quản lý bảo vệ rừng các hoạt động sản xuất kinh doanh không đáng kể, nên nguồn kinh phí hỗ trợ theo các chính sách của Trung ương<sup>22</sup> chưa bảo đảm kinh phí hoạt động. Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Đắc Nông hoạt động chưa hiệu quả do lịch quay cùng ngày với hai tỉnh Quảng Ngãi và Đà Nẵng đã ảnh hưởng tới doanh thu của công ty. Về năng lực tài chính hiện tại chưa đảm bảo trong hoạt động kinh doanh mang yếu tố “may - rủi” cao, vé số của các tỉnh miền Nam và xổ số điện toán (Vietlott) đang xâm lấn thị trường tỉnh Đắc Nông cũng đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước chậm so với kế hoạch đã đặt ra, trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc xử lý tình hình tài chính liên quan đến công nợ<sup>(23)</sup>, khi xây dựng Phương án sử dụng đất gặp khó khăn trong hướng xử lý đối với những diện tích đất đang có tranh chấp đối với các hộ dân, khó khăn trong xử lý các hợp đồng cho thuê tài sản, nợ cá nhân từ các năm trước (Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học).

<sup>20</sup> Trong đó có 1.081 doanh nghiệp bị cơ quan đăng ký kinh doanh ban hành quyết định thu hồi do bỏ địa chỉ kinh doanh và 233 doanh nghiệp bị cơ quan đăng ký kinh doanh ban hành thông báo vi phạm về việc bỏ địa chỉ kinh doanh.

<sup>21</sup> Các doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm 86,64%, các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 12,68%, có 91 doanh nghiệp có vốn đăng ký trên 50 tỷ đồng chiếm 0,68%

<sup>22</sup>Theo Quyết định 2242/QĐ-TT ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020 và tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 09 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

<sup>23</sup>Công ty Cà phê Đức Lập chưa đạt được thỏa thuận giữa DATC với các chủ nợ; các khoản nợ lương và bảo hiểm của người lao động Công ty TNHH MTV Nam Nung.

Công tác giải thể doanh nghiệp nhà nước cũng chậm tiến độ so với kế hoạch. Trong quá trình triển khai thực hiện phương án giải thể, đã gặp nhiều khó khăn vướng mắc, đến nay, mới điều chỉnh phương án giải thể cho 02 Hội đồng giải thể (HDGT), đang rà soát xây dựng điều chỉnh phương án đối với 04 HDGT<sup>24</sup>; 06 HDGT đã hoàn thành việc bàn giao rừng và đất rừng về cho các địa phương quản lý; đã thu hồi công nợ có khả năng thu hồi theo phương án được duyệt đạt 99%; xử lý xong chế độ chính sách cho các lao động dôi dư. Việc chậm trên là do nhiều nguyên nhân (vướng mắc từ việc xử lý đất đai, các hợp đồng liên doanh liên kết, hợp đồng giao khoán, việc xử lý tài chính, tài sản công nợ tồn tại từ lâu, hồ sơ tài liệu không còn đầy đủ, ...) trong đó có nguyên nhân mấu chốt là: thiếu sự quan tâm chỉ đạo sâu sát từ các Phó chủ tịch thường trực HDGT công ty, thiếu sự phối hợp hỗ trợ của Tổ giúp việc, Tổ xử lý tài sản và công nợ; thực hiện chế thông tin báo cáo, tham mưu đề xuất chưa đầy đủ, thường xuyên kịp thời của các HDGT cho cấp có thẩm quyền xử lý, dẫn đến kéo dài thời gian hoàn thành công tác này.

c. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp được lãnh đạo tỉnh quan tâm, thường xuyên chỉ đạo thực hiện nên hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ngày càng chuyển biến về hình thức và chất lượng. Cụ thể từ năm 2016 đến nay đã tổ chức hơn 04 đợt kết nối tín dụng cho doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông với các Ngân hàng thương mại trong và ngoài tỉnh; tổ chức 08 chương trình kết nối giao thương tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; triển khai 06 sự kiện, liên quan đến hoạt động chuỗi giá trị; tổ chức 05 hội nghị đối thoại doanh nghiệp thu hút hơn 400 đại biểu và doanh nghiệp tham dự để Lãnh đạo tỉnh lắng nghe tâm tư nguyện vọng của doanh nghiệp; tổ chức 12 hội nghị tại huyện, thị xã cho hơn 600 doanh nghiệp, tập trung định hướng chiến lược phát triển kinh doanh, tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh những kết quả công tác xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh còn nhiều mặt hạn chế như: Tổ chức triển khai các hoạt động quảng bá, xúc tiến đầu tư chưa thường xuyên, chỉ tập trung vào các sự kiện, các hoạt động xúc tiến quảng bá còn thiếu tính chuyên nghiệp và hiệu quả chưa cao, xúc tiến quảng bá chưa được triển khai thường xuyên, quy mô nhỏ bé, hiệu ứng tiếp thị mới dừng ở mức độ nhất định. Tổ chức bộ máy và lực lượng thực hiện hoạt động xúc tiến quảng bá xúc tiến đầu tư còn nhiều bất cập, lực lượng trực tiếp triển khai hoạt động xúc tiến đầu tư mỏng, nên việc triển khai còn bị động, đội ngũ nguồn nhân lực có năng lực hoạt động trong lĩnh vực xúc tiến đầu tư chưa thể bắt kịp với tốc độ phát triển của thị trường. Kinh phí dành cho xúc tiến đầu tư còn ít (bình quân 400 triệu đồng/năm) và cơ chế tài chính còn nhiều vướng mắc...

d) Cải thiện chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Công tác cải thiện chỉ số PCI đã được lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân thường xuyên quan tâm chỉ đạo. Tuy nhiên, trong hai năm 2016, 2017 PCI của tỉnh Đắk Nông có cải thiện về điểm số nhưng thứ bậc lại bị giảm, cụ thể năm 2017 đứng thứ 63/63 tỉnh thành. Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề trên là do: một số chỉ số thành tố có trọng số cao (20%)

<sup>24</sup> 02 hội đồng đã phê duyệt phương án điều chỉnh là Công ty TNHH MTV LN Quảng Tín, NLN Đức Lập, Công ty TNHH MTV LN Trường Xuân; 03 hội đồng đang rà soát là Công ty TNHH MTV LN: Quảng Đức, Gia Nghĩa, Thuận Tân.

lại giảm điểm kéo thứ hạng PCI của tỉnh giảm về cuối bảng xếp hạng; một số cán bộ, công chức có biểu hiện về suy thoái đạo đức, lợi dụng chức quyền để gây khó khăn, năng lực tư duy của một số cán bộ còn hạn chế, thực hiện không nghiêm chỉ đạo của UBND tỉnh về việc hướng dẫn hồ sơ cho doanh nghiệp, dẫn đến doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần, ảnh hưởng lớn đến môi trường đầu tư kinh doanh; thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính còn kéo dài hơn quy định; cơ sở hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp còn hạn chế; công tác thanh tra, kiểm tra chưa thực hiện nghiêm túc theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh là mỗi doanh nghiệp thanh tra kiểm tra không quá 1 lần/năm; việc triển khai kế hoạch cải thiện PCI mới dừng lại trong việc xây dựng kế hoạch, chưa chú trọng kiểm tra, giám sát các hành động cụ thể trong thực tiễn, dẫn đến việc cải thiện chỉ số PCI của tỉnh chưa đạt được kỳ vọng của tỉnh.

## **8. Đô thị, xây dựng và kết cấu hạ tầng**

a) Đô thị: Nhằm phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, Tỉnh Đắk Nông đã ban hành nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 17/11/2011 về phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Trên tinh thần đó, trong giai đoạn 2016-2018 hệ thống đô thị có bước phát triển rất đáng khích lệ, làm thay đổi cảnh quan đô thị, thay đổi nhận thức và nâng cao chất lượng sống của cư dân đô thị, thu hút được các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị. Công tác chỉ đạo lập quy hoạch đô thị, tập trung đầu tư xây dựng đô thị, nâng cấp, phân loại đô thị đạt kết quả cao, qua đó góp phần đảm bảo cho mục tiêu an sinh xã hội và quốc phòng an ninh. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại như: Công tác quản lý quy hoạch đô thị chưa thật sự chặt chẽ, còn nhiều trường hợp xây dựng trái phép, đào đắp nhiều dẫn đến phá cảnh quan tự nhiên, kế hoạch vốn đầu tư phát triển tuy đã ưu tiên tập trung nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển đô thị nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, việc thu hút các nguồn vốn khác để đầu tư phát triển đô thị như nguồn vốn ODA, vốn ngoài ngân sách còn nhiều hạn chế, nhiều vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư...

### **b) Kết cấu hạ tầng**

Hạ tầng giao thông được chú trọng đầu tư, ước kết quả thực hiện từ năm 2016 đến 6/2018 toàn tỉnh đã đầu tư xây dựng mới và nâng cấp được 265 km đường<sup>(25)</sup> nâng tỷ lệ nhựa hóa đường toàn tỉnh lên 59,7%(nghị quyết 5 năm là 64%), trong đó nhựa hóa đường huyện đạt 88,6%. Tiến độ của các dự án giao thông cơ bản đáp ứng theo tiến độ đã ra, tuy nhiên bên cạnh còn có một số dự án chậm tiến độ, nguyên nhân do thiếu vốn đầu tư, do vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, đặc biệt là các dự án trên địa bàn thị xã Gia Nghĩa.

Hạ tầng cấp điện được các cấp, các ngành quan tâm, ngoài vốn ngân sách trung ương bố trí đến nay 50 tỷ đồng từ dự án cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014-2020, ngành điện cũng tập trung nguồn lực để đầu tư gần 300 tỷ đồng. Với quy mô đầu tư như trên thì các chỉ tiêu đều đạt kế hoạch đề ra.

<sup>25</sup> Gồm 17 km Quốc lộ, 45 km đường huyện, 191 km đường xã, 12 km đường đô thị

Hạ tầng cấp thủy lợi phục vụ phát triển nông nghiệp được chú trọng, tập trung nhiều nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, huyện và nguồn vốn ODA để đầu tư. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 254 công trình thủy lợi, nâng tỷ lệ đảm bảo nguồn nước tưới từ 67% từ năm 2016 lên 74,8%, dự kiến đến năm 2020 đạt 80% theo chỉ tiêu kế hoạch 5 năm đã đặt ra.

Hạ tầng giáo dục được tập trung đầu tư phát triển mở rộng từ cấp mẫu giáo đến cấp phổ thông trung học<sup>(26)</sup>. Đến nay, toàn tỉnh có 396 cơ sở giáo dục, 111 trường đạt chuẩn quốc, tăng 15 cơ sở giáo dục và 12 trường chuẩn so với đầu năm 2016.

Hạ tầng y tế: Được sự quan tâm của các cấp, các ngành nên trong giai đoạn 2016-2018 các cơ sở hạ tầng y tế 3 tuyến tỉnh, huyện xã được tập trung nhiều nguồn vốn để đầu tư<sup>(27)</sup>. Đến nay, có 25 TYT đạt chuẩn mới, nếu tính theo chuẩn cũ có 46 TYT đạt chuẩn. Bên cạnh những kết quả đạt được việc đầu tư các cơ sở Y tế còn gặp nhiều khó khăn như: thiếu vốn đầu tư để hoàn thiện các trạm y tế chưa đáp ứng theo chuẩn mới...

## II. VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA – XÃ HỘI

### 1. Văn hóa

Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh Đắk Nông luôn được chú trọng, tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án Sưu tầm, bảo tồn phát huy giá trị hiện vật lịch sử, văn hóa tỉnh Đắk Nông đến năm 2015, định hướng 2020<sup>(28)</sup>. Thực hiện xây dựng hồ sơ trình UNESCO công nhận Công viên địa chất núi lửa Krông Nô- Đắk Nông là Công viên địa chất toàn cầu. Xây dựng hồ sơ đề nghị Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” cho 05 nghệ nhân và “Nghệ nhân ưu tú” cho 21 nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể lần 2, năm 2018. Tổng điều tra di sản văn hóa phi vật thể qua đó đề xuất các lĩnh vực di sản văn hóa lịch sử đưa vào danh mục di sản cấp tỉnh và cấp quốc gia cần được bảo tồn khẩn cấp.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ<sup>(29)</sup> và tuyên truyền, cổ động trực quan phục vụ các sự kiện chính trị của đất nước và địa phương với nhiều nội dung

<sup>26</sup>Hàng năm bố trí tới 86 tỷ đồng từ ngân sách cấp tỉnh để bố trí cho lĩnh vực giáo dục

<sup>27</sup> Trong ba năm 2016-2018 đã đầu tư hoàn thiện 32 dự án từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện với số tiền 199,3 tỷ đồng

<sup>28</sup>Sưu tầm được 582 ảnh thời sự liên quan đến lĩnh vực kinh tế, văn hóa, 51 hiện vật văn hóa dân tộc M'ông, Mạ, Thái, Tày, Nùng. Đồng thời, phối hợp với Trung tâm Khảo cổ - Viện Khoa học xã hội Vùng Nam Bộ và chính quyền địa phương tiến hành khai quật di chỉ khảo cổ Đền đá Đắk Sơn (xã Nam Xuân, huyện Krông Nô) và di chỉ khảo cổ Chum cổ (thôn 17, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp).

<sup>29</sup> Tổ chức 98 chương trình văn nghệ phục vụ các sự kiện chính trị và 166 buổi biểu diễn văn nghệ phục vụ cơ sở, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nổi bật như: Chương trình nghệ thuật “Ký ức khai thông đường hành lang chiến lược Bắc - Nam, điểm kết nối hai vùng chiến lược Nam Tây Nguyên và Đông Nam Bộ”; Chương trình nghệ thuật Đêm nhạc tri ân với chủ đề “Bản hùng ca bất tử”; Lễ ký kết chương trình phối hợp tuyên truyền biển, đảo giữa Tỉnh ủy Đắk Nông và Đảng ủy Quân chủng Hải Quân; Chương trình gặp mặt Đoàn trưởng các Cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài với các tỉnh, doanh nghiệp khu vực miền Trung - Tây Nguyên... Bên cạnh đó, đã tổ chức biểu diễn 17 buổi phục vụ cơ sở theo phương thức luân đổi tại 03 tỉnh: An Giang, Tiền Giang và Quảng Ngãi...



và hình thức phong phú, như treo cờ, băng rôn, khẩu hiệu, tranh cổ động<sup>(30)</sup>. Tổ chức sản xuất, khai thác, chọn lọc và biên tập các phim phóng sự, tài liệu góp phần nâng cao nhận thức chính trị, văn hóa - xã hội trong nhân dân, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật cho công chúng<sup>(31)</sup>. Lĩnh vực thư viện, bảo tàng cũng có nhiều hoạt động sôi nổi, thu hút và nhận được sự hưởng ứng trong mọi tầng lớp nhân dân<sup>(32)</sup>.

Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đã đạt được kết quả đáng khích lệ, trở thành một phong trào thi đua rộng lớn, toàn diện, tạo ra sức lan tỏa vào mọi tầng lớp nhân dân đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân. Đến hết năm 2017, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 77,76%; tỷ lệ thôn, bon, buôn bản, tổ dân phố văn hóa đạt 75,79%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn, văn hóa đạt 29,58%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa đạt 89,3%.

## **2. Thể dục và thể thao**

Phong trào thể dục thể thao tiếp tục được đẩy mạnh từ tỉnh đến cơ sở và đã có những bước phát triển sâu rộng, thu hút đông đảo quần chúng tham gia<sup>(33)</sup>. Phong trào thể dục thể thao quần chúng tiếp tục được duy trì và phát triển, đến nay số người tham gia tập thể dục thể thao thường xuyên ước đạt năm 2018 là 25,3%, tăng 2,3% so với năm 2015 (23%); số gia đình luyện tập thể dục, thể thao ước đạt năm 2018 là 15%, tăng 2% so với năm 2015 (13%). Hoạt động thể thao thành tích cao có sự phát triển, công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên được chú trọng nhằm xây dựng và kiện toàn các đội tuyển thể thao thành tích cao của tỉnh để tham gia các giải khu vực và toàn quốc<sup>(34)</sup>.

## **3. Giáo dục và đào tạo**

Quy mô giáo dục tiếp tục phát triển và mở rộng. Hiện nay, toàn tỉnh Đắk Nông có 396 cơ sở giáo dục, tổng số học sinh là 166.640 em; tăng 21 cơ sở và 10.475 em so với năm 2015. Tổng số trường chuẩn quốc gia là 111 trường, tăng 20 trường so với năm 2015, dự kiến trung bình mỗi năm tăng thêm 08 trường đạt chuẩn<sup>(35)</sup>. Chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng cao toàn diện, tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm sau cao hơn năm trước. Số lượng học sinh đạt giải thi khoa học kỹ

<sup>30</sup> Thực hiện 89 tiêu đề, 14.467m<sup>2</sup> panô; treo 22.231m băng rôn, 37.998 lá cờ các loại, 51.000m cờ dây, 845 câu khẩu hiệu, 3.200 tranh cổ động và 3.200 khẩu hiệu hai thứ tiếng Việt - M'ông và M'ông - Việt và 120 tranh cổ động (con đường tranh) tại các tuyến đường chính, khu vực đông dân cư trên địa bàn toàn tỉnh.

<sup>31</sup> Tổ chức được 134 buổi chiếu phim kết hợp với công tác tuyên truyền đến với cơ sở ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... phục vụ khoảng 24.753 lượt người xem.

<sup>32</sup> Tổ chức thành công Cuộc thi kể chuyện sách hè năm 2016 với chủ đề "Em yêu quê hương đất nước" và Hội thi cán bộ thư viện giỏi cấp tỉnh năm 2017 với chủ đề "Uống nước nhớ nguồn". Thực hiện 99 đợt luân chuyển sách, báo phục vụ lưu động tại thư viện các trường học, điểm Bưu điện - Văn hóa xã và các Đoàn Biên phòng trên địa bàn tỉnh với 15.517 bản sách, báo, tạp chí phục vụ các sự kiện chính trị của đất nước cũng như của tỉnh. Tổ chức thành công Hội Báo xuân Đinh Dậu năm 2017, Hội Báo xuân Mậu Tuất 2018, Lễ phát động hưởng ứng Ngày Sách Việt Nam lần thứ IV năm 2017. Hướng dẫn và thuyết minh phục vụ 3.257 lượt khách tham quan di tích lịch sử Ngục Đắk Mil và Di tích căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV và Di tích lịch sử đời 722.

<sup>33</sup> Cấp tỉnh tổ chức từ 14-16 giải/năm, cấp huyện tổ chức từ 06-08 giải/năm và cấp xã từ 01-03 giải/năm.

<sup>34</sup> Kết quả các vận động viên tham gia 28 giải thi đấu khu vực và toàn quốc, kết đạt được 127 huy chương các loại, trong đó có 26 HCV, 38 HCB, 63 HCD.

<sup>35</sup> Năm 2016 tăng 9 trường, năm 2017 tăng 8 trường, KH năm 2018 tăng 8 trường (hiện nay đã công nhận được 3 trường)

thuật, học sinh giỏi quốc gia ngày càng tăng. Ngành Giáo dục tỉnh đã được Bộ GDĐT tặng cờ thi đua tiêu biểu, xuất sắc về đổi mới, sáng tạo trong dạy học năm 2017. Công tác tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên luôn được chú trọng và thực hiện thường xuyên.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất trường lớp chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, trang thiết bị vừa thiếu vừa không đồng bộ ảnh hưởng đến công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Chất lượng giáo dục chưa đồng đều, nhất là vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chất lượng giáo dục học sinh dân tộc thiểu số chậm được cải thiện; công tác xã hội hóa giáo dục chưa đạt chất lượng cao. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh thiếu gần 1.000 biên chế giáo viên, việc điều tiết từ nơi thừa sang nơi thiếu cũng còn nhiều vướng mắc.

#### **4. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Công tác khám chữa bệnh được duy trì thường xuyên, chất lượng liên tục được cải thiện và ngày càng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt tạo điều kiện thuận lợi để người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách được khám chữa bệnh miễn phí, góp phần thực hiện công bằng xã hội<sup>(36)</sup>. Duy trì, giám sát 24/24, chủ động, kịp thời nắm bắt tình hình dịch bệnh tại các cơ sở y tế và cộng đồng. Chương trình hợp tác phát triển y tế với Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh đã góp phần giúp các bệnh viện phát triển nhiều dịch vụ, trong đó đã triển khai được nhiều dịch vụ kỹ thuật mới, thu hút bệnh nhân đến khám, chữa bệnh, giảm tỷ lệ chuyển tuyến của các bệnh viện, giảm quá tải cho tuyến trên.

Công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm được triển khai đồng bộ theo quy định, công tác thanh kiểm tra được thực hiện thường xuyên, định kỳ, đột xuất theo quy định, không có vụ ngộ độc lớn xảy ra, không có tử vong do ngộ độc thực phẩm. Thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế, duy trì kết quả tiêm chủng mở rộng cho trẻ em <1 tuổi đạt trên 90%; phòng chống có hiệu quả các loại dịch bệnh, các bệnh không lây nhiễm, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản. Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện duy trì và phát huy tốt hoạt động phòng chống dịch bệnh và khám chữa bệnh tại các tuyến; nghiêm túc thực hiện các quy chế chuyên môn, quy trình kỹ thuật bệnh viện. Công tác tiếp đón, theo dõi chăm sóc người bệnh có nhiều chuyển biến tích cực, kịp thời đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Tuy nhiên, nhìn chung nhân lực y tế thiếu về số lượng, một số bộ phận còn hạn chế về chất lượng; trình độ chuyên môn và trang thiết bị tại tuyến y tế cơ sở chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh tại chỗ của người dân dẫn đến tình trạng khám vượt tuyến còn xảy ra.

#### **5. Giảm nghèo và an sinh xã hội**

a. Công tác giảm nghèo: Trong những năm qua, tỉnh đã triển khai hiệu quả các mục tiêu chung về giảm nghèo bền vững theo tinh thần tại Nghị quyết 04-

<sup>36</sup>Ước thực hiện đến tháng 6/2018, tổng số bệnh nhân đến khám chữa bệnh tại các bệnh viện là 1.338.258 lượt; tổng số lượt điều trị nội trú là 172.856 lượt, tổng số lượt phẫu thuật 15.897 ca,...

NQ/TU của Tỉnh ủy và các chính sách, dự án giảm nghèo chung và giảm nghèo đặc thù cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; tích cực triển khai các chính sách hỗ trợ trong công tác giảm nghèo của tỉnh như: Chính sách tín dụng cho hộ nghèo vay vốn, Chính sách hỗ trợ về Y tế, Chính sách hỗ trợ về giáo dục, Chính sách hỗ trợ về nhà ở, Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, Chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trong các năm học, dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng theo Nghị Quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ, Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo, Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin,... và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận<sup>(37)</sup>.

Bên cạnh đó, công tác giảm nghèo vẫn còn tồn tại hạn chế sau: Công tác đánh giá, kiểm tra và quản lý đối tượng còn hạn chế. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững phân bổ chậm và định mức thấp, nên phần nào ảnh hưởng đến kế hoạch đề ra. Việc triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo gặp khó khăn, do Chính phủ quy định trước mắt chỉ thực hiện chính sách giảm nghèo cho đối tượng hộ nghèo về thu nhập, còn các hộ nghèo về thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản chưa được triển khai thực hiện. Riêng về việc cấp thẻ BHYT thì ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với hộ nghèo đa chiều thiếu hụt tiêu chí bảo hiểm y tế, hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế đối với hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác.

b. Công tác chăm sóc người có công: Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với Người có công với cách mạng và đạt được nhiều kết quả tích cực<sup>(38)</sup>; phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”; toàn dân chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ và người có công với cách mạng luôn được triển khai thường xuyên và hiệu quả, phát huy được sức mạnh của toàn dân tham gia. Tuy nhiên, việc tuyên truyền, hướng dẫn các văn bản về chính sách người có công ở một số địa phương có lúc còn chưa kịp thời, chưa sâu sát; một số cán bộ kiêm nhiệm làm công tác giải quyết chính sách ưu đãi ở một số địa phương còn hạn chế năng lực; công tác đền ơn đáp nghĩa ở một số địa phương chưa gắn với việc giáo dục, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của phong trào, còn nặng về hoạt động quyên góp, chưa có tinh thần tự nguyện, hoạt động chưa thường xuyên; mức hỗ trợ còn thấp; vẫn còn một bộ phận lợi dụng chính sách để trục lợi,...

c. Công tác bảo trợ xã hội: Đã đề xuất kịp thời các chính sách hỗ trợ thường xuyên cho các đối tượng Bảo trợ xã hội đang sống tập trung tại các trung tâm bảo

<sup>37</sup>Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh chiếm 19,26%, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 60,76% và đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm 54,40%; Đến năm 2017 thì tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh chiếm 16,57% giảm 2,69% so với năm 2015; đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 34,58% và tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm 44,45% giảm 9,95% so với năm 2015.

<sup>38</sup>Từ năm 2016 đến nay, đã có 2.283 lượt người có công và thân nhân được chăm sóc sức khỏe; Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người có công với cách mạng nhân dịp các ngày lễ Tết, ngày thương binh liệt sỹ 27/7 với tổng số trên 20.825 suất quà, tổng trị giá trên 6.985.650.000đồng; Tổ chức nhiều hoạt động thiết thực kỷ niệm 70 năm ngày thương binh liệt sỹ 27/7/2017; triển khai xây dựng được 38 căn nhà tình nghĩa tặng 38 hộ gia đình người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở với tổng trị giá: 2.550 triệu đồng từ nguồn kinh phí Quỹ đền ơn đáp nghĩa; Thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg, đến nay đã triển khai phân bổ tổng số kinh phí 56.753 triệu đồng từ các nguồn vốn ngân sách trung ương, địa phương và huy động để xây dựng 943 căn nhà cho người có công với cách mạng (xây mới 706 căn và sửa chữa 237 căn);

trợ xã hội và các đối tượng sinh sống tại cộng đồng, thực hiện tốt công tác cứu trợ đột xuất, đảm bảo công tác an sinh xã hội cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng khác vào dịp tết nguyên Đán và giáp hạt. Tuy nhiên, các hoạt động trợ giúp xã hội chưa được phát triển rộng rãi đến những trường hợp khẩn cấp và các đối tượng cần sự trợ giúp. Các dịch vụ trợ giúp cho đối tượng còn mang tính riêng lẻ, tự phát theo từng nhóm, chưa đồng bộ,...

#### **6. Đào tạo lao động và giải quyết việc làm:**

Thực hiện Nghị quyết số 33/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 về việc Thông qua Chương trình việc làm địa phương tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020. Kế hoạch số 437/KH-UBND ngày 24/8/2017 triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, tình hình đào tạo và giải quyết việc làm đã có chuyển biến tích cực, số lao động được tạo việc làm mới và việc làm mới tăng thêm là 45.449 lượt người/90.000 lượt người, đạt 50,49% kế hoạch 5 năm<sup>(39)</sup>. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 37% năm 2016 lên 40% trong 6 tháng đầu năm 2018. Tuy nhiên, vẫn còn tồn một số hạn chế như sau: Chưa có chương trình giải quyết việc làm cho từng năm và cho từng thời kỳ phát triển. Công tác đào tạo lao động chưa gắn với nhu cầu của thị trường, chất lượng lao động còn thấp, không đồng đều. Số lượng lao động được giải quyết việc làm còn ít, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp và thiếu tính ổn định; hiệu quả kết nối thông tin cung-cầu lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động còn thấp,...

#### **7. Phát triển khoa học công nghệ**

Hoạt động nghiên cứu đã từng bước đáp ứng nhu cầu thực tiễn, đi sâu nghiên cứu ứng dụng công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, khai thác chuỗi giá trị sản phẩm, khai thác tiềm năng lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, từng bước tạo được sự lan tỏa của ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đời sống của nhân dân. Hoạt động quản lý đo lường và chất lượng có sự biến chuyển rõ rệt và triển khai đồng bộ. Hoạt động tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến được tăng cường. Công tác kiểm tra, thanh tra nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng được đẩy mạnh, xử lý nghiêm các vi phạm, hạn chế các hành vi gian lận và thương mại, bảo vệ các doanh nghiệp làm ăn chân chính và quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

Tuy nhiên, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vẫn hạn chế sức lan tỏa, kết quả nghiên cứu chưa thực sự đi vào thực tế; hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng chưa được triển khai sâu và rộng; trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác quản lý còn hạn chế và chưa đáp ứng được yêu cầu công tác; chưa có đơn vị đủ năng lực thử nghiệm, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

<sup>39</sup> Số lao động được tạo việc làm mới và việc làm tăng thêm trong nước là 45.037 lượt người; chia theo nhóm ngành kinh tế như sau: Công nghiệp và xây dựng là 11.627 lượt người, chiếm 25,81%; Nông lâm nghiệp là 21.628 lượt người, chiếm 48,02%; thương mại và dịch vụ là 11.782 lượt người, chiếm 26,17%. Số lao động đi xuất khẩu lao động là 412 người.

## **8. Báo chí, phát thanh và truyền hình**

Phát thanh, truyền hình, báo chí chủ động định hướng tuyên truyền, thông tin các sự kiện nổi bật của tỉnh và đất nước. Định kỳ tổ chức họp báo cung cấp thông tin các vấn đề dư luận quan tâm. Luôn chủ động bám sát định hướng tuyên truyền; kịp thời chuyển tải những chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, các vấn đề thời sự trong tỉnh, trong nước và quốc tế được dư luận xã hội quan tâm, đáp ứng được nhu cầu thông tin của nhân dân.

## **9. Thông tin và viễn thông**

Hạ tầng công nghệ thông tin hoạt động ổn định đảm bảo phục vụ công tác cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; công tác an toàn an ninh thông tin được tuyên truyền phổ biến rộng rãi. Mạng lưới bưu chính viễn thông hoạt động ổn định, đổi mới hoạt động, mở rộng các loại hình dịch vụ, phương thức kinh doanh, phân định rõ giữa kinh doanh và nhiệm vụ công ích, phù hợp với xu thế đổi mới, phát triển chung của đất nước<sup>(40)</sup>; Thị trường viễn thông, Internet tiếp tục phát triển bền vững, có tác động trực tiếp, tích cực đến sự phát triển của nền kinh tế, đảm bảo an ninh - quốc phòng và hội nhập kinh tế quốc tế. Các loại hình dịch vụ được tăng cường mở rộng, đáp ứng nhu cầu thông tin của các cơ quan Đảng, nhà nước, doanh nghiệp và mọi người dân<sup>(41)</sup>.

## **III. VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TƯ PHÁP VÀ NỘI CHÍNH**

### **1. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

Việc quản lý, sử dụng đất đai, nguồn nước, khoáng sản ngày càng chặt chẽ. Công tác điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, định giá tài nguyên có bước tiến bộ. Quan tâm khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo và vật liệu thay thế, thân thiện với môi trường. Hiện nay, công tác điều tra khoáng sản chỉ dừng lại ở mức độ điều tra đánh giá lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:200.000, tài liệu điều tra cơ bản về tài nguyên khoáng sản còn hạn chế; đội ngũ cán bộ còn mỏng và nhận thức của người dân và doanh nghiệp về Luật khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành còn nhiều hạn chế.

Các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và xử lý cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng được tích cực thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc 16<sup>(42)</sup> cơ sở

<sup>40</sup>Trên địa bàn tỉnh hiện có 5 đơn vị tham gia cung cấp dịch vụ, tuy nhiên hoạt động chủ yếu là Bưu điện tỉnh Đắk Nông và Công ty Bưu chính Viettel, còn lại Công Ty 24/7; Công ty TNHH Kerry Express – Chi nhánh Đắk Nông; Công ty cổ phần dịch vụ Giao hàng nhanh-chi nhánh Đắk Nông chỉ tham gia với thị phần nhỏ, chủ yếu cung cấp dịch vụ chuyển phát nhanh. Tính đến thời điểm báo cáo toàn tỉnh có 19 bưu cục, 43 điểm bưu điện văn hóa xã, 01 tuyến đường thực cấp I; 03 tuyến đường thực cấp II; 29 tuyến đường thực cấp III. Ngoài ra còn có các tuyến đường thư của các doanh nghiệp khác cùng tham gia khai thác dịch vụ bưu chính, không phân chia đường thư các cấp, chủ yếu vận chuyển bằng xe máy.

<sup>41</sup>Có 4 doanh nghiệp tham gia cung cấp trong lĩnh vực này là VNPT, Viettel, Mobifone và Vietnamobile, tuy nhiên thị phần chủ yếu vẫn là 3 đơn vị VNPT, Viettel, Mobifone. Ước tính tới tháng 6/2018 số thuê bao cố định giảm xuống còn khoản 8.100 thuê bao, đạt mật độ thuê bao điện thoại cố định 1,3 máy/100 dân; số thuê bao di động trả sau tăng lên khoảng là 35.000 thuê bao; Số thuê bao Internet các loại 86.000 thuê bao.

<sup>42</sup>07 bãi rác và 0 bệnh viện tuyến huyện; xưởng chế biến giã của công ty TNHH MTVH Gia Nghĩa; KCN Tâm Thắng.

gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1888/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ý thức chấp hành Luật bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh môi trường của các hộ sản xuất kinh doanh một số nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất còn thấp, vẫn còn một số điểm nóng về ô nhiễm môi trường.

Kế hoạch số 437/KH-UBND về việc quản lý và bố trí sử dụng 63.057 ha đất có nguồn gốc lần chiếm đất rừng từ ngày 01/7/2004 đến ngày 01/01/2010 không đạt kế hoạch đề ra do sau khi rà soát lại thì diện tích đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng có nguồn gốc lần chiếm đất rừng từ ngày 01/7/2004 đến ngày 01/01/2010 đủ điều kiện xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ là 28.522,52 ha, bằng 45% so với diện tích theo Kế hoạch. Nguyên nhân, do trong quá trình rà soát, tổng hợp báo cáo số liệu của các huyện, thị xã và Sở Tài nguyên và Môi trường chưa đối chiếu đầy đủ các hồ sơ, tài liệu có liên quan theo đúng thời điểm dẫn đến số liệu chưa chính xác.

## **2. Công tác cải cách hành chính**

Công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh được các cấp, các ngành, địa phương tích cực triển khai thực hiện, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cả tỉnh. Tuy nhiên, một số hạn chế như tỷ lệ giải quyết trễ hẹn hồ sơ cho người dân, tổ chức vẫn còn nhiều, chủ yếu tại UBND cấp huyện, cấp xã, chưa thực hiện nghiêm túc công tác chỉ đạo và tổ chức xin lỗi bằng văn bản đến người dân, tổ chức khi giải quyết chậm trễ các thủ tục hành chính; một số nhiệm vụ triển khai còn chậm; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chưa được chặt chẽ và thiếu sự chủ động. Một số công chức trực tiếp tham mưu, thực hiện công tác cải cách hành chính tính chuyên nghiệp chưa cao, chưa chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp đột phá và đúng với nhu cầu thực tiễn cần hướng tới trong công tác cải cách hành chính tại đơn vị. Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã được quan tâm, tuy nhiên vẫn chưa phát huy hiệu quả các phần mềm điện tử nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý; kinh phí đầu tư triển khai mô hình một cửa điện tử liên thông, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại còn nhiều khó khăn.

## **3. Tổ chức bộ máy nhà nước**

Công tác quản lý biên chế được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ; mục tiêu, quan điểm và các giải pháp đồng bộ để thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được xác định rõ. Việc tuyển dụng công chức tiếp tục được đổi mới, tạo sự công khai, minh bạch, công bằng, góp phần lựa chọn đội ngũ công chức có đủ năng lực, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong bộ máy hành chính. Công tác thanh tra, kiểm tra công vụ được đẩy mạnh. Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, từ năm 2015 đến nay tổng số lượng đối tượng tinh giản biên chế là 173 trường hợp<sup>(43)</sup>.

---

<sup>43</sup> Khối hành chính là: 33 trường hợp; Khối sự nghiệp là: 79 trường hợp; Khối Đảng là: 16 trường hợp; Khối cấp xã: 29 trường hợp; Doanh nghiệp: 15 trường hợp; Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 01 trường hợp.

Tuy nhiên, bên cạnh còn một số tồn tại như: một số nội dung cải cách chế độ công vụ, công chức còn chậm được triển khai thực hiện như: Việc triển khai hệ thống nhất phần mềm cơ sở dữ liệu về đội ngũ cán bộ, công chức của tỉnh còn chậm, chưa hoàn thiện. Việc tinh giản biên chế chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tuy đã được nâng lên so với trước nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển phương pháp xác định vị trí việc làm và quy trình thiết lập cơ cấu công chức theo vị trí việc làm còn lúng túng và triển khai thực hiện quá chậm.

#### **4. Công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng**

Đã thực hiện nghiêm túc, đồng bộ Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Đã ban hành các chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng như: Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo công khai, minh bạch trong các hoạt động của cơ quan; thực hiện nghiêm túc các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và việc xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tuy nhiên, vẫn còn hiện tượng công chức, viên chức sử dụng thời gian làm việc chưa hợp lý, hiệu quả chưa cao; một số nơi cán bộ, công chức, viên chức la cà quán xá, tình trạng đi muộn về sớm vào các ngày thứ 2 và thứ 6 hàng tuần vẫn còn diễn ra; công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Chi thị chưa được triển khai thường xuyên, liên tục; việc tuyên truyền, đưa tin thực hiện Chi thị, công khai danh tính của người vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng còn hạn chế.

#### **5. Công tác tiếp dân, xử lý khiếu nại, tố cáo**

Tình hình tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo có chuyển biến tích cực. trách nhiệm thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được nâng lên. Thực hiện nghiêm túc lịch tiếp công dân định kỳ hàng tháng và công khai lịch tiếp công dân, quy chế tiếp công dân, kết quả tiếp công dân của lãnh đạo đến cấp xã trên Cổng thông tin điện tử. Chủ động tiếp công dân với nhiều vụ việc đông người, phức tạp để giải thích, vận động, tuyên truyền cho người dân và chỉ đạo xử lý, giải quyết kịp thời nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của công dân. Tuy nhiên, đơn thư khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã, cấp huyện nhưng vượt cấp vẫn còn nhiều; việc tiếp công dân của người đứng đầu một số nơi, nhất là cấp xã thực hiện chưa thường xuyên theo quy định; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo còn có những vụ việc giải quyết chưa đúng thẩm quyền; giải quyết chậm so với thời hạn quy định.

#### **6. Công tác tư pháp, kiểm sát, tòa án**

Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có nhiều tiến bộ, đã bám sát quy định của Luật và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Công tác tự kiểm tra, kiểm tra, rà soát văn bản được thực hiện thường xuyên và trên nhiều lĩnh

vực; 100% Quyết định quy phạm pháp luật của UBND các cấp sau khi được ban hành đều được tự kiểm tra, kiểm tra theo quy định. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật đạt kết quả cao, các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật ngày càng phong phú, đa dạng, từng bước hướng đến các nhóm đối tượng đặc thù, nội dung đầy đủ kịp thời, phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn, đặc biệt chú trọng các văn bản luật liên quan thiết thực đến đời sống, lao động của nhân dân<sup>(44)</sup>. Tuy nhiên, công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL còn tình trạng tham mưu chưa bảo đảm tiến độ, chất lượng; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vẫn còn nặng về hình thức, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiến độ và chất lượng công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đạt và vượt chỉ tiêu thi đua mà Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đề ra. Tỷ lệ các vụ án bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan giảm đáng kể qua các năm. Một số hạn chế, thiếu sót trong công tác giải quyết, xét xử các loại vụ án của những năm trước đã được các Tòa án quan tâm khắc phục có hiệu quả. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định của pháp luật về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp chưa đúng, một số loại án tỷ lệ giải quyết vẫn còn thấp như án kinh doanh thương mại ở cấp huyện; tỷ lệ bản án bị hủy vẫn còn tương đối cao như đối với án dân sự; tỷ lệ đối thoại thành đối với các vụ án hành chính còn thấp.

## **7. Công tác dân tộc và tôn giáo:**

a) Dân tộc: Thực hiện đồng bộ các chương trình chính sách về dân tộc, đạt hiệu quả<sup>(45)</sup>. Tiếp tục triển khai và đánh giá các chương trình, chính sách dân tộc, ổn định dân cư, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng nâng cao trình độ, ổn định cuộc sống, từng bước xóa đói giảm nghèo một cách bền vững. Tuy nhiên, thực hiện giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là đồng bào dân tộc tại chỗ còn chậm, đời sống của đồng bào nhìn chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

### **b) Tôn giáo:**

Trong những năm qua, tình hình hoạt động của tôn giáo trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định và dần đi vào nề nếp. Các chức sắc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sống “tốt đời, đẹp đạo”, gắn bó với quê hương, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động từ thiện, nhân đạo... đóng góp tích cực vào sự ổn định tình hình chính trị, phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng trên địa bàn

<sup>44</sup>Tổ chức triển khai 29 Hội nghị phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật mới ban hành cho 1.373 lượt người tham dự; các huyện, thị xã tổ chức triển khai 96 Hội nghị phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật mới ban hành cho hơn 13.069 lượt người tham dự; Tổ chức 2.607 đợt tuyên truyền, phổ biến pháp luật thu hút hơn 102.696 lượt người tham gia, cấp phát miễn phí hơn 36 ngàn bộ tài liệu.

<sup>45</sup>Phân bổ nguồn vốn 177.868 triệu đồng để đầu tư cho các xã, thôn, bon theo Chương trình 135; hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt thuộc Chương trình 755, các nguồn vốn ODA hỗ trợ cho dự án tăng cường năng lực kinh tế bền vững cho đồng bào DTTS tỉnh Đắk Nông, Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên và một số chính sách đầu tư được 306.868 triệu đồng, đạt khoảng 30% nguồn vốn so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020. Phê duyệt chính sách cho 304 người có uy tín để vận động, tuyên truyền thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.



tin. Tuy nhiên, dựa vào chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước, giáo hội các tôn giáo không ngừng đẩy mạnh hoạt động truyền đạo đến các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số bằng nhiều hình thức, phương pháp khác nhau nhằm thuyết phục, lôi kéo phát triển đạo; lợi dụng sự hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền địa phương, các tôn giáo tổ chức các hoạt động tôn giáo trái pháp luật còn diễn ra ở một số địa phương, làm ảnh hưởng tới an ninh trật tự<sup>(46)</sup>.

Hiện nay, các cấp chính quyền đã có các biện pháp xử lý phù hợp, yêu cầu các tổ chức tôn giáo khắc phục các sai phạm, đồng thời đề xuất Tỉnh ủy, UBND tỉnh từng bước xem xét, giải quyết các nhu cầu tôn giáo chính đáng, đúng pháp luật của chức sắc, tín đồ tại các điểm sinh hoạt trên.

#### **IV. VỀ ĐẢM BẢO AN NINH, QUỐC PHÒNG VÀ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI**

##### **1. Về đảm bảo quốc phòng, biên giới, nâng cao năng lực quốc phòng**

Từ năm 2016 đến nay, tình hình trên thế giới và trong và trong khu vực diễn ra hết sức phức tạp. Tuy nhiên, tình hình an ninh biên giới trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố, các công trình quốc phòng được quan tâm trú trọng đầu tư, công tác giáo dục quốc phòng được thực hiện thường xuyên theo kế hoạch đã đề ra, tình hình phát triển kinh tế xã hội khu vực biên giới có những bước phát triển đáng ghi nhận. Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số khó khăn như sau: Tuy được chú trọng đầu tư nhưng hệ thống cơ sở hạ tầng quốc phòng chưa được đồng bộ thống nhất, hiệu quả kết nối với các địa phương khác chưa cao, gây khó khăn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế ở khu vực biên giới; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở một số địa bàn còn phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định; đời sống người dân khu vực biên giới còn nhiều khó khăn, đặc biệt là người đồng bào dân tộc thiểu số; việc chưa hoàn thành việc cắm mốc khu vực biên giới cũng gây ảnh hưởng tới việc phát triển kinh tế xã hội củng cố quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh.

##### **2. Về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông**

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh trong các năm qua cơ bản ổn định và được giữ vững. Lực lượng công an đã chủ động nắm bắt tình hình, tham mưu cho các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh quốc gia. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp triển khai thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trật tự, không để bị động bất ngờ, bảo đảm an ninh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an ninh chính trị biên giới, an ninh văn hóa – tư tưởng, an ninh trên lĩnh vực tôn giáo, an ninh thông tin truyền thông, triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng chống tội phạm<sup>(47)</sup>. Tuy nhiên, vẫn còn một số địa bàn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp đến an ninh trật tự, nhất là tranh

<sup>46</sup> Truyền đạo, sử dụng đất, xây dựng, coi nói cơ sở thờ tự trái pháp luật, hoạt động của các “tà đạo”, “đạo lạ” như “Thanh Hải vô thượng sư”, “Tâm linh Hồ Chí Minh”

<sup>47</sup> Mở 6 đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, triệt phá 47 băng nhóm tội phạm, điều tra khám phá 1.024 vụ, vận động đầu thú 282 đối tượng truy nã, khởi tố 153 vụ đáng bạc, 174 vụ tàng trữ vận chuyển trái phép chất ma túy...

chấp, khiếu kiện liên quan đến các dự án nông lâm nghiệp. FULRO lưu vong tiếp tục thực hiện âm mưu hoạt động chống phá vào trong nước; tình trạng mất đoàn kết nội bộ xảy ra ở một số cơ quan, địa phương; các thế lực thù địch phản động lợi dụng Internet để hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản. Nguyên nhân là do: các thế lực thù địch, phản động ngày càng tinh vi; một bộ phận quần chúng nhân dân nhận thức chưa đầy đủ về chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước; một số cơ quan còn đùn đẩy trách nhiệm trong giải quyết tranh chấp khiếu kiện; công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa thực hiệu quả.

Quán triệt chỉ tiêu của Đại hội “Hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn giao thông” lực lượng Công an tỉnh đã chỉ đạo sát sao công tác bảo đảm an toàn trật tự giao thông, chủ động phối hợp với các cấp, các ngành tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật giao thông cho quần chúng nhân dân, tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông nên từ năm 2016 đến nay, các vụ vi phạm và tai nạn giao thông đã giảm mạnh so với giữa nhiệm kỳ trước<sup>(48)</sup>.

### **3. Về công tác đối ngoại với các tỉnh bạn và ngoài nước**

Tình hình hỗ trợ, hợp tác phát triển kinh tế xã hội với tỉnh bạn đã có những bước phát triển nhất định trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa cao, cụ thể: lĩnh vực nông lâm nghiệp mới chỉ thúc đẩy thông qua các hoạt động tham quan học hỏi mô hình, hỗ trợ và hướng dẫn người dân trồng một số giống cây...; về thương mại dịch vụ giữa biên giới hai nước tuân thủ theo thỏa thuận thương mại song phương, tạo điều kiện về thủ tục xuất nhập khẩu diễn ra nhanh gọn, tuy nhiên kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu không lớn, hoạt động trao đổi hàng hóa chủ yếu phục vụ nhu cầu của người dân khu vực biên giới; về hoạt động đầu tư đến nay mới có 02 doanh nghiệp của tỉnh Đắk Nông đầu tư ở tỉnh Mondulakiri; về văn hóa du lịch, trong thời gian qua đã tổ chức nhiều chương trình giao lưu văn hóa văn nghệ, thể thao và hợp tác phát triển du lịch<sup>(49)</sup>; về y tế mới thực hiện hợp tác trên các lĩnh vực kiểm dịch biên giới và kiểm tra an toàn thực phẩm.

Từ năm 2016 đến nay, tỉnh đã đón tiếp 7 đoàn khách nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh. Quá trình đón tiếp đảm bảo yêu cầu đặt ra, đón tiếp trọng thị và chu đáo. Đã cử 136 đoàn với 645 lượt cán bộ, công chức viên chức đi nước ngoài đảm bảo chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo chấp hành nghiêm các quy định của Đảng, Nhà nước về bảo vệ bí mật quốc gia. Công tác quản lý người nước ngoài đến làm việc tại tỉnh được thực hiện chặt chẽ, đúng các quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để các cá nhân người nước ngoài đến làm ăn, sinh sống và làm việc trên địa bàn.

### **V. Đánh giá chung và tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển**

<sup>48</sup> Xảy ra 134 vụ tử vong nghiêm trọng trở lên, làm chết 150 người, bị thương 56 người, giảm 31 và 36 người chết so với nhiệm kỳ trước).

<sup>49</sup> Hai tỉnh đã tiến hành khảo sát mở tuyến du lịch Đắk Nông - Mondulakiri - Siem Reap - Phnompenh - Tây Ninh - TP Hồ Chí Minh.

## **1. Đánh giá chung và kết quả thực hiện các chỉ tiêu**

Qua nửa đầu nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại Hội XII Đảng bộ tỉnh, tình hình kinh tế của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả quan trọng trên nhiều phương diện, lĩnh vực. Đa số các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại Hội XII Đảng bộ tỉnh đều có khả năng đạt và vượt kế hoạch đề ra như các chỉ tiêu: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; hạ tầng giao thông; hạ tầng cấp điện; y tế; giáo dục; văn hóa; nông thôn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số chỉ tiêu quan trọng có khả năng không đạt kế hoạch Nghị quyết Đại Hội XII Đảng bộ tỉnh đã đề ra như: Tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế; GRDP bình quân đầu người; giảm nghèo. Kinh tế phát triển chưa thật sự vững chắc; nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội còn hạn chế; kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao; việc triển khai một số công trình trọng điểm có tính thúc đẩy kinh tế còn chậm tiến độ; chính sách thắt chặt đầu tư công cung ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

## **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **a. Những tồn tại hạn chế**

- Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, chất lượng chưa cao: Tăng trưởng kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp, quy mô sản xuất mở rộng nhưng tự phát chưa theo qui hoạch, thiếu sự gắn kết chặt chẽ giữa nông nghiệp với công nghiệp, thương mại dịch vụ trong quá trình phát triển. Nhiều tiềm năng lợi thế của tỉnh chưa được phát huy; chuyển dịch cơ cấu lao động chưa theo kịp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật và giá trị gia tăng cao phát triển chậm; tỷ lệ lấp đầy và tiến độ xây dựng các khu, cụm công nghiệp còn chậm; công tác khai thác, quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập.

- Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều yếu kém: Công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực đã được xây dựng theo hướng gắn sản xuất với nhu cầu thị trường, coi trọng mối quan hệ liên ngành, liên vùng. Tuy nhiên, chất lượng quy hoạch nhìn chung chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý quy hoạch còn hạn chế; quy hoạch và quản lý quy hoạch khu dân cư nông thôn chưa được quan tâm đúng mức.

- Hạ tầng cơ sở thiết yếu còn thấp, thiếu đồng bộ, nhất là hạ tầng kỹ thuật đô thị; tỷ lệ nhựa hoá các tuyến đường giao thông còn thấp, hệ thống đường huyện, đường xã đường đất vẫn chiếm tỷ lệ cao nên việc đi lại, vận chuyển hàng hoá trong mùa mưa rất khó khăn. Hệ thống công trình thủy lợi mới đáp ứng được khoảng 76% nhu cầu tưới. Việc thu hút các nguồn vốn ngoài Nhà nước đầu tư cho phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đạt thấp.

- Quy mô, hiệu quả hoạt động của các thành phần kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu phát triển: Tiến trình đổi mới doanh nghiệp Nhà nước còn chậm, hoạt động chưa hiệu quả. Kinh tế hợp tác và hợp tác xã chậm phát triển, còn nhỏ bé, chưa có

đóng góp đáng kể trong phát triển kinh tế của tỉnh. Doanh nghiệp dân doanh tuy phát triển nhanh, nhưng quy mô và chất lượng hàng hoá còn thấp, nên chưa đủ sức cạnh tranh, chưa có doanh nghiệp có quy mô lớn tạo sự chuyển dịch lớn cho nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ trong nền kinh tế của tỉnh. Hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch hiệu quả chưa cao, chưa có giải pháp thích hợp và khoa học, các khó khăn vướng mắc của các nhà đầu tư chưa được tháo gỡ đến kết quả cuối cùng, còn đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan.

- Công tác quản lý, khai thác, bảo vệ rừng hiệu quả thấp: Tình trạng đốt phá rừng, khai thác lâm sản trái phép ngày càng nghiêm trọng, trách nhiệm của các chủ rừng chưa cao; chưa xác định trách nhiệm cụ thể của các tổ chức cá nhân để mất rừng; chưa có cơ chế phù hợp để nâng cao thu nhập và kích thích người nhận khoán quản lý bảo vệ rừng; ý thức, trách nhiệm của các tổ chức và nhân dân đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường chưa được đề cao đúng mức. Ý thức trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và các tổ chức liên quan trong công tác quản lý bảo vệ rừng chưa thật chặt chẽ, nhất là các chủ rừng; chưa gắn trách nhiệm của các nhà đầu tư trên lĩnh vực thủy điện, du lịch,... với việc phát triển vốn rừng.

- Nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của các tổ chức và nhân dân còn hạn chế, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường chưa được chú trọng đầu tư, nhất là hệ thống xử lý chất thải, rác thải của các thị xã, thị trấn, khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Một số vấn đề về văn hoá xã hội chưa được giải quyết tốt: Chất lượng giáo dục - đào tạo còn nhiều hạn chế, giáo dục đạo đức công dân trong trường học chưa được quan tâm đúng mức; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia ở nhiều địa phương thực hiện chậm; cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn; chưa làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục và đào tạo nghề; tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp, nhất là lao động trong nông nghiệp.

Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá, thể thao còn chậm, nhiều địa phương chưa chú trọng quy hoạch, tạo quỹ đất, đầu tư xây dựng cho hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao. Văn hoá nghệ thuật chưa có nhiều tác phẩm chất lượng cao; số lượng báo chí phát hành còn ít, chương trình phát thanh truyền hình chưa phong phú, thời lượng ít, phủ sóng chưa đều khắp.

Công tác khám chữa bệnh cho nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu đề ra nhất là đối với các đối tượng có bảo hiểm y tế; việc thu hút cán bộ y tế có trình độ cao chưa hiệu quả, y đức của một số bác sỹ chưa cao; cơ sở vật chất y tế còn lạc hậu so với mặt bằng chung của cả nước.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, nhưng chưa đồng đều giữa các vùng và không bền vững; trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo và khả năng tái nghèo còn rất cao, trình độ sản xuất vẫn trong tình trạng thấp kém. Các mô hình, kết quả về xoá đói, giảm nghèo và làm giàu chưa được tổng kết, nhân rộng kịp thời, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học chưa cao, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học chưa được ứng dụng, triển khai vào phục vụ sản xuất và đời sống xã hội; việc tiếp nhận, ứng dụng khoa học - công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế; chính sách sử dụng cán bộ khoa học chưa thật sự phát huy hiệu quả.

- Thực hiện cải cách hành chính còn một số hạn chế: Cải cách hành chính vẫn còn chậm, vẫn còn một số đơn vị hướng dẫn thủ tục hành chính chưa rõ ràng; việc chấp hành kỷ luật hành chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm túc, không đảm bảo giờ làm việc, hiệu suất làm việc chưa cao.

b. Nguyên nhân các hạn chế, yếu kém

- Về khách quan:

Xuất phát điểm về kinh tế - xã hội của tỉnh thấp; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội yếu kém; nền kinh tế còn mang nặng tính thuần nông. Chất lượng nguồn nhân lực còn cách xa yêu cầu phát triển, nhất là trình độ dân trí thấp; địa hình chia cắt mạnh, di dân tự do tăng khá lớn nên phân bố dân cư đậm nét tự phát. Chính phủ tiếp tục thắt chặt chi tiêu công và thực hiện tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, nguồn vốn đầu tư vị thu hẹp; diễn biến thời tiết thất thường; giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực giảm mạnh đã ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Về chủ quan:

+ Một là Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành ở một số cấp, ngành, địa phương chưa chủ động vận dụng và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, sát thực, phù hợp với nguồn lực; tham mưu của một số sở, ngành có lúc chưa kịp thời, chất lượng chưa cao, phối hợp chưa nhịp nhàng trong triển khai nhiệm vụ dẫn đến hiệu quả công việc có lúc chưa tốt.

+ Hai là lãnh đạo chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền có lúc chưa thật sự năng động, quyết liệt, chậm cụ thể hóa để đưa các chủ trương, nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống; chưa chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác vận động quần chúng; trình độ, năng lực của một bộ phận làm công tác thủ tục hành chính, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo còn hạn chế. Công tác lãnh đạo chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chưa được chú trọng đúng mức.

+ Ba là, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội ở một số ngành, địa phương còn thiếu đồng bộ, chưa phát huy hết tính sáng tạo nên hiệu quả chưa cao. Các ban chỉ đạo thực hiện chương trình, đề án hoạt động chưa mang lại hiệu quả cao như mong đợi.

+ Bốn là, hệ thống cơ chế chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để trở thành động lực thu hút và sử dụng tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

## **Phần thứ hai**

### **NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI**

## TRONG GIAI ĐOẠN 2019-2020

### I. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG NỬA CUỐI NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XI ĐẢNG BỘ TỈNH

#### 1. Thuận lợi

Tình hình kinh tế thế giới đang hồi phục mạnh mẽ, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng tạo điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu sẽ đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa.

Tình hình kinh tế - xã hội trong nước và của tỉnh Đắk Nông phát triển ổn định, mối liên kết giữa các tỉnh trong khu vực chặt chẽ. Chính phủ có những chính sách mới để ưu đãi phát triển vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số được trung ương ban hành trong đó có Tây Nguyên, cũng như Đắk Nông để tạo điều kiện phát triển.

#### 2. Khó khăn

Tình hình chính trị, kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Chính phủ tiếp tục thắt chặt đầu tư công; doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm sản phẩm; diễn biến phức tạp của thời tiết; giá cả một số mặt hàng nông sản chủ lực giảm sâu; biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng tới sản xuất và đời sống của nhân dân.

Địa hình rộng, dân cư thưa thớt, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, trình độ lao động tuy được đào tạo nhưng chưa đáp ứng yêu cầu.

### II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

**1. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI tỉnh Đắk Nông, các chính sách của Trung ương sáng tạo, phù hợp với tình hình của địa phương; xây dựng Quy hoạch kinh tế xã hội của tỉnh; xây dựng và triển khai hiệu quả đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đến năm 2020, xây dựng cơ chế chính sách hiệu quả, đảm bảo nguồn lực thực hiện**

- Tiếp tục triển khai theo tiến độ các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2015-2020 và các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020 của HĐND tỉnh.

- Quán triệt và thực hiện hiệu quả tất cả các chính sách của Trung ương về điều hành kinh tế xã hội vĩ mô, trên địa bàn tỉnh. Áp dụng linh hoạt các chính sách, định hướng của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Ban hành quy định cụ thể về thời gian ban hành và đi vào thực hiện tại địa phương đối với các chính sách, luật, định hướng, chỉ đạo của Trung ương trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao, đề cao và có quy chế về trách nhiệm của người đứng đầu, thủ trưởng các đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã đề ra. Có biện pháp nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý

nhà nước trong việc thực hiện các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

- Triển khai ngay việc xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2030 khi các Bộ, ngành Trung ương có hướng dẫn cụ thể. Cập nhật những định hướng mới của Trung ương, xu hướng mới của phát triển kinh tế, trong điều kiện hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế để định hướng mô hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh phù hợp với giai đoạn mới.

- Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý quy hoạch từ tỉnh đến cơ sở, tăng cường và huy động nhiều nguồn vốn cho công tác quy hoạch, thực hiện quy hoạch, nhất là quy hoạch xây dựng.

**2. Thu hút mạnh mẽ nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế xã hội, tranh thủ tối đa các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, nguồn vốn vay ưu đãi ODA và vốn đầu tư trực tiếp FDI, đồng thời, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư trong tỉnh, phát huy nội lực, sử dụng nguồn lực đầu tư hiệu quả**

- Tiếp tục tranh thủ và vận động các chính sách, nguồn lực của Trung ương ưu tiên đặc thù về vùng Tây Nguyên và tỉnh Đắk Nông, trong đó tập trung theo hướng tận dụng lợi thế vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng của tỉnh để vận động chính sách, nguồn lực để phát triển kinh tế kết hợp đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Tiếp tục làm việc với các Bộ, Ngành Trung ương và các nhà tài trợ Vận động nguồn vốn ODA để tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là phát triển cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gắn liền với bảo vệ rừng, phòng chống biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh hơn nữa việc thu hút nguồn vốn FDI đầu tư vào tỉnh, đặc biệt là các nước có nguồn lực đầu tư dồi dào, có công nghệ tiên tiến, có chính sách thân thiện và có mối quan hệ mật thiết về địa chính trị với Việt Nam như: Nhật Bản, Hàn Quốc, I-xra-en một số nước Phương Tây đối với các lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư, có biện pháp kiểm soát tài chính đối với các nhà đầu tư đăng ký đầu tư vào tỉnh. Ưu tiên thu hút đầu tư theo hình thức hợp tác công tư PPP để tạo động lực và huy động được nguồn vốn tư nhân vào xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Rà soát, điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư của tỉnh ngay trong năm 2018. Tạo mọi điều kiện tốt nhất, đảm bảo đúng quy định của pháp luật để các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Thu hút các nguồn tích lũy trong dân và các thành phần kinh tế để đưa vào sản xuất kinh doanh, khuyến khích các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh xây dựng mở rộng các mạng lưới tín dụng, phòng giao dịch, tiếp cận doanh nghiệp đầu tư dự án.

- Đổi mới cơ bản phương thức thu hút đầu tư, chủ động tiếp xúc trực tiếp, mời gọi các nhà đầu tư tiềm năng, có tiềm lực mạnh về tài chính. Chủ động tiếp cận các tập đoàn lớn, các doanh nghiệp lớn, có tiềm lực tài chính mạnh, có ngành nghề liên quan đến tiềm năng đầu tư của tỉnh để thu hút đầu tư.

- Tập trung nguồn thu, giảm chi thường xuyên, ưu tiên chi đầu tư để phát triển tạo nền tảng cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư. Nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công, công khai dân chủ và minh bạch trong đầu tư và xây dựng, thực hiện giám sát của cộng đồng.

- Đẩy mạnh thực hiện minh bạch, rõ ràng và đơn giản hóa thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh. Cải thiện môi trường đầu tư, đảm bảo thông thoáng, hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư đảm bảo đến kết quả cuối cùng, giám sát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư, kiên quyết thu hồi các dự án chậm triển khai.

- Tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thu, chi. Tăng cường công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ đất để bố trí đầu tư hoàn thiện các dự án đang thiếu nguồn vốn. Kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng; đẩy mạnh việc xử lý và thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được duyệt. Triệt để tiết kiệm chi cho bộ máy quản lý nhà nước, sự nghiệp công, cắt giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi công tác nước ngoài, chi cho lễ hội, lễ kỷ niệm, khởi công, khánh thành, tổng kết và các khoản chi chưa cần thiết khác, nhằm tạo nguồn tăng vốn cho đầu tư phát triển.

### **3. Phát triển hệ thống doanh nghiệp cả về số lượng và quy mô vốn, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, hoàn thành tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế tư nhân**

- Tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; tăng cường các biện pháp thực hiện trợ giúp phát triển loại hình doanh nghiệp này; triển khai ngay mạng lưới thông tin hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, tiếp cận các ngành nghề, lĩnh vực đầu tư mà các doanh nghiệp này quan tâm, đặc biệt là đầu tư vào các lĩnh vực thuộc khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của tỉnh, của trung ương để đẩy nhanh phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đổi mới kinh tế tập thể, xây dựng các mô hình hợp tác xã kiểu mới trên cơ sở tổng kết thực tiễn từ các đơn vị đã làm tốt, nhân rộng mô hình, đa dạng hóa các hình thức kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là các công ty nông, lâm nghiệp theo Quyết định



số 686/QĐ-TTg, ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình, kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

- Lựa chọn một số doanh nghiệp tư nhân có tiềm lực tạo điều kiện, ưu tiên hỗ trợ, phát triển thành các doanh nghiệp đầu tàu của tỉnh trong khoảng thời gian từ 05-15 năm tới.

#### **4. Đầu tư kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, huy động tối đa nguồn lực để phát triển hạ tầng, tạo động lực cho phát triển kinh tế xã hội, đáp ứng yêu cầu hạ tầng là nền tảng phát triển kinh tế**

- Về hạ tầng đối ngoại và động lực:

+ Làm việc với Bộ Giao thông Vận tải và các Bộ, Ngành liên quan để được hướng dẫn các bước đầu tư đường sắt đa dụng Đắk Nông - Chơn Thành bằng hình thức ODA, hợp tác công tư (PPP),... hoặc các hình thức phù hợp khác gắn liền với quyền khai thác khoáng sản Alumin trong vùng Tây Nguyên.

+ Làm việc với Bộ Giao thông vận tải và Bộ Quốc phòng để sớm bổ sung quy hoạch đầu tư sân bay lưỡng dụng Nhân Cơ nhằm vừa phục vụ kinh tế vừa phục vụ phòng thủ quốc phòng, để xoá bỏ bất lợi về khoảng cách đối với các nhà đầu tư vào tỉnh, nhất là đối với vùng kinh tế trọng điểm Khu công nghiệp Nhân Cơ, dự kiến thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài vào đầu tư công nghiệp sau nhôm.

+ Tiếp tục huy động, vận động các nguồn vốn để đầu tư, mở rộng các tuyến tỉnh lộ đối ngoại như QL 14C, QL 28. Theo dõi, yêu cầu các doanh BOT phải thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, duy trì tốt chất lượng của QL 14 đoạn qua tỉnh Đắk Nông.

- Về hạ tầng giao thông: Tiếp tục đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông toàn tỉnh, ưu tiên các tuyến tỉnh lộ để đạt chuẩn đường cấp III miền núi, kết nối các địa phương và các vùng sản xuất trọng điểm. Hoàn thiện đầu tư các công trình lớn như: Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê; Nâng cấp đường ra cửa khẩu Bu Prăng.

- Về hạ tầng đô thị: Tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Gia Nghĩa, Đắk Mil, Kiến Đức và các đô thị khác theo quy hoạch đã được phê duyệt. Hoàn thành các công trình đầu tư lớn như dự án: Khu tái định cư phía đông hồ trung tâm Gia Nghĩa; Quảng trường trung tâm thị xã Gia Nghĩa; Khu liên hợp bảo tàng thư viện và công viên dành cho người già và trẻ em; dự án Hồ Gia Nghĩa...

- Hạ tầng khu, cụm công nghiệp: Làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để sớm trình Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung Khu công nghiệp Nhân Cơ 2 vào quy hoạch tổng thể phát triển Khu công nghiệp quốc gia đến năm 2020; hoàn thành các thủ tục pháp lý để xây dựng khu công nghiệp trước năm 2020. Tập trung hoàn thiện dự án cơ sở hạ tầng bên trong và bên ngoài hàng rào Khu công nghiệp Nhân Cơ, tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp chưa hoàn thiện.

- Về hạ tầng thủy lợi: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi đang có để phát huy hiệu quả, ưu tiên đầu tư nâng cấp các hồ chứa, hệ thống kênh dẫn, phát triển các hệ

thống thủy lợi mới có quy mô lớn như: Công trình thủy lợi Suối Đá, xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong; Hồ Đăk Klo Ou, xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil. Đẩy nhanh thực hiện các công trình thủy lợi: Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn hồ đập (WB8) tỉnh Đắk Nông; dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên; các công trình thủy lợi chống hạn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông....

- Hạ tầng điện: Đẩy nhanh tiến độ dự án cáp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020. Đồng thời, tiếp tục đề nghị EVN hoàn thiện mạng lưới truyền tải điện toàn tỉnh.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân đóng góp để tham gia đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, trường học, nước sạch. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục thể thao và môi trường theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển nông thôn mới đã đề ra.

### **5. Tập trung phát triển công nghiệp mũi nhọn là công nghiệp Alumin - nhôm, sắt xộp - sau nhôm; Công nghiệp chế biến các nông sản thế mạnh của tỉnh, phấn đấu đến hết giai đoạn, công nghiệp trở thành lĩnh vực kinh tế động lực**

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất; tập trung đầu tư theo hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh của tỉnh như: phát triển chế biến nông, lâm sản, khai thác và chế biến khoáng sản, nhất là công nghiệp alumin và luyện nhôm, thúc đẩy công nghiệp chế biến sau nhôm, xem đây là trọng điểm về đột phá kinh tế của tỉnh. Khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp áp dụng thiết bị công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp với nhiều quy mô, trình độ khác nhau, ưu tiên cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư lớn, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại tạo ra những sản phẩm có giá trị cao, sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài. Hỗ trợ, có giải pháp quyết liệt khôi phục hoạt động của các nhà máy đang tạm ngừng hoạt động do khó khăn về thị trường, khó khăn về nguồn nguyên liệu..., đưa các nhà máy vào sản xuất, cung cấp sản lượng ổn định.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện mọi mặt để đảm bảo tiến độ Nhà máy luyện nhôm Đắk Nông, vận hành và cho ra sản phẩm vào năm 2018. Hỗ trợ các dự án thủy điện và các dự án công nghiệp khác đang đầu tư hoàn thành đảm bảo tiến độ, sớm đóng góp cho công nghiệp địa phương.

- Rà soát các cụm công nghiệp, loại bỏ hoặc chuyển đổi các cụm công nghiệp thiếu hiệu quả, tập trung vào các cụm công nghiệp có thế mạnh, để ưu tiên đầu tư. Nghiên cứu cổ phần hóa các đơn vị làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng sử dụng vốn ngân sách đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động. Đồng thời, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng

các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành lập mới theo hình thức đối tác công tư (PPP),...; lựa chọn các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính, đi kèm với hệ thống công nghiệp phụ trợ để vừa giải quyết đồng thời bài toán thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng và lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Đẩy mạnh việc thu hút và tạo điều kiện để đầu tư thêm nhà máy chế biến nông sản nhất là các nông sản như cà phê, tiêu, cao su, cây ăn quả...kết hợp với quy hoạch vùng nguyên liệu khả thi hoặc xây dựng gần các tuyến biên giới, giao thông thuận lợi để tận dụng nguồn nguyên liệu ngoài tỉnh.

**6. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn giá trị gia tăng cao, trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới góp phần phát triển kinh tế tỉnh Đắk Nông, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn. Quản lý bảo vệ rừng hiệu quả, nâng cao tỉ lệ che phủ rừng**

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên từng lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, thủy lợi, chăn nuôi thủy sản, chế biến và ngành nghề nông thôn, dịch vụ nông nghiệp; đặc biệt tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 07/4/2011 của Tỉnh ủy Đắk Nông về phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước về quy hoạch; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, gắn vùng nguyên liệu với công nghiệp chế biến, gắn quy hoạch nông nghiệp, nông thôn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục nhân rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, mở rộng diện tích được cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Tập trung phát triển và quản lý tốt các cơ sở sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, vật tư phân bón,... đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu sản xuất, đồng thời thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh phát sinh gây hại trên cây trồng, vật nuôi để ổn định sản xuất.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng trang trại với các cơ sở chăn nuôi tập trung, hiện đại, bền vững, an toàn dịch bệnh trên cơ sở áp dụng công nghệ tiên tiến, vừa tăng quy mô đàn, vừa tăng chiều sâu về chất lượng: thực hiện lai tạo, cải tạo giống vật nuôi, phát triển chuỗi giá trị từ khâu giống, thức ăn chăn nuôi đến chế biến, tiêu thụ, thị trường để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác ngăn chặn phá rừng, phát triển rừng bền vững theo nội dung Nghị quyết 11-NQ/TU ngày 06/5/2013 của Tỉnh ủy Đắk Nông; thực hiện sắp xếp các Công ty lâm nghiệp theo nội dung Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị, Quyết định 686/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Tập trung xử lý đất rừng bị xâm canh, lấn chiếm trái phép tại các dự án Nông lâm nghiệp, các Công ty Lâm nghiệp...

đồng thời sắp xếp ổn định dân di cư tự do; Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực du lịch sinh thái, kết hợp xây dựng các khu công viên giải trí, trồng rừng hiệu quả, sản xuất giấy cao cấp, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu của địa phương.

- Nâng cao năng lực trình độ đội ngũ khuyến nông, tăng cường công tác chuyên gia, nhân rộng các mô hình có hiệu quả đã được thử nghiệm phù hợp với từng địa phương; xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi chủ lực có lợi thế so sánh và cạnh tranh theo thứ tự ưu tiên, làm cơ sở xây dựng lộ trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất.

- Áp dụng các biện pháp tưới nước tiết kiệm nước để sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước, tăng diện tích cây trồng được tưới và bảo vệ môi trường. Tiếp tục đầu tư mới, nâng cấp sửa chữa các công trình thủy lợi nhằm phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ phục vụ sản xuất nông nghiệp hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành liên quan đến khuyến khích, thu hút đầu tư; tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Hỗ trợ thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã liên kết sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản, dịch vụ nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, sản phẩm nông lâm thủy sản, đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng; chủ động đánh giá, cung cấp kịp thời thông tin an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

- Xây dựng nông thôn mới cần tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, tuyên truyền, huy động mọi nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án, tín dụng đầu tư trên địa bàn để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

**7. Về phát triển dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhân dân, mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, xây dựng thương hiệu hàng hóa thế mạnh của tỉnh, hoàn thiện hệ thống thương mại, phát triển du lịch trên nền tảng phát huy các lợi thế tự nhiên của tỉnh**

- Khai thác và phục vụ tốt thị trường trong tỉnh, kết hợp với đẩy mạnh giao lưu hàng hóa với các tỉnh để mở rộng thị trường, đặc biệt là các tỉnh thuộc khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, với các trung tâm đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến hỗ trợ thương mại, tiếp tục quảng bá và thực hiện chính sách đưa hàng về nông thôn, thực hiện cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- Tiếp tục huy động nguồn vốn các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh của tỉnh như: Chế biến nông, lâm sản; khai thác và chế biến khoáng sản; công nghiệp hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp bột xít, các sản phẩm sau nhôm để đảm bảo nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu; khuyến khích, hỗ trợ các nhà đầu tư liên kết sản xuất với người dân, doanh nghiệp từ sản xuất nguyên liệu đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra chuỗi giá trị đồng bộ, ổn định và bền vững.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trên địa bàn tỉnh, để đảm bảo cung ứng hàng hóa, phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, chú trọng xúc tiến thương mại ngoài nước, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển và đẩy mạnh xuất khẩu.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác phân tích, dự báo, theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường trong và ngoài nước, các yếu tố ảnh hưởng giá hàng hóa, đặc biệt trong các dịp lễ, tết để kịp thời tham mưu điều tiết cung - cầu và bình ổn thị trường, nhất là những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá, đảm bảo cung ứng hàng hóa thiết yếu cho nhân dân trong tỉnh, vùng xa trung tâm huyện, thị xã.

- Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và phối hợp tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, trong triển khai thực hiện dự án, trong đó trọng tâm là tháo gỡ những khó khăn của các dự án lớn, trọng điểm, có đóng góp lớn đối với tăng trưởng và có sự lan tỏa đối với phát triển, để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch ngành giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý thị trường nhằm tăng cường kỷ cương, trật tự thị trường; ngăn chặn tệ buôn lậu, gian lận thương mại; sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; đảm bảo hàng hóa lưu thông thông suốt, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa và tăng giá đột biến.

- Phát triển dịch vụ vận tải có hệ thống vận chuyển, trạm dừng chân thuận tiện, mở rộng địa bàn phục vụ đến các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Mở rộng luồng tuyến vận tải đến tất cả các tỉnh thành trong cả nước. Khuyến khích, tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh vận tải phát triển.

- Củng cố, mở rộng, phát triển mạng lưới các tổ chức tín dụng hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và hộ gia đình tiếp cận vốn, hướng dòng vốn vào sản xuất, kinh doanh; ưu tiên cho các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu.

- Khai thác có hiệu quả lợi thế du lịch của tỉnh. Lựa chọn những nhà đầu tư có đủ năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực du lịch để đầu tư một số điểm du lịch để tạo điểm nhấn và tạo đà phát triển du lịch cho địa phương.

- Hoàn thiện quy hoạch Công viên địa chất núi lửa Krông Nô trình Trung ương công nhận Khu du lịch quốc gia; xây dựng Công viên địa chất núi lửa Krông Nô thành công viên địa chất toàn cầu. Đầu tư thành điểm du lịch trọng điểm của tỉnh, nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách để thu hút khách du lịch nước ngoài.

## **8. Quản lý tài nguyên và môi trường, phát triển bền vững**

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và khai thác hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo quy hoạch. Tập trung ngăn chặn mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường, phục hồi và nâng cao chất lượng môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

- Kiểm tra, rà soát, đánh giá lại các doanh nghiệp, tổ chức đã được giao đất, cho thuê đất để dự án đầu tư kinh doanh không đưa đất vào sử dụng hoặc triển khai dự án chậm tiến độ để có phương án xử lý để tránh xảy ra tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai, sử dụng đất đai thiếu hiệu quả.

- Tiếp tục đưa công tác quản lý đất đai ngày càng đi vào trật tự, kỷ cương, nề nếp; hoàn thiện và phát triển hệ thống quản lý đất đai hiện đại. Rà soát, cải cách hành chính, đẩy nhanh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án đã giao đất, cho thuê đất và xử lý kịp thời đối với các dự án chậm triển khai nhằm sử dụng hiệu quả quỹ đất phục vụ cho đầu tư.

- Điều chỉnh bổ sung chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư; Tập trung hướng dẫn công tác bồi thường giải phóng mặt bằng ở các huyện, thị xã nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính về đất đai để bảo đảm tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian thực hiện; bãi bỏ, điều chỉnh các nội dung công việc và các loại giấy tờ không đúng quy định, không đúng thẩm quyền, kéo dài thời gian thực hiện, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các giao dịch về đất đai.

- Ngăn ngừa hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, giải quyết cơ bản tình trạng suy thoái môi trường tại khu công nghiệp, khu đô thị. Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hóa với bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

- Tiến hành điều tra, đánh giá tiềm năng đất đai, tài nguyên làm cơ sở để xây dựng quy hoạch, kế hoạch nhằm khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài nguyên đất theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật, phải làm cho đất đai thực sự là nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển.

- Kiểm tra tổng thể tình hình, rà soát thực trạng khai thác khoáng sản trên địa bàn toàn tỉnh, xây dựng đề án khai thác khoáng sản bền vững, hiệu quả.

## **9. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học công nghệ và giải quyết việc làm, phát triển nguồn nhân lực, an sinh xã hội**

### **- Về giáo dục:**

+ Triển khai thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Đề án của Trung ương, phát triển các cơ sở đào tạo ở các cấp. Duy trì kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Phát triển đồng bộ hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đi đôi với nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, thực hiện giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng dạy và học.

+ Xây dựng quy định về trường học an toàn, đảm bảo an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, bạo lực và tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh công tác giám sát việc thực

hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục, giám sát chặt, quản lý thu chi và xử lý nghiêm các vi phạm.

+ Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục. Có đề án hỗ trợ nâng cao tỉ lệ học sinh là con em dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa theo học ở các cấp học cao hơn. Đảm bảo không có trẻ em nào không được đến trường vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

#### **- Về y tế:**

+ Hoàn thiện tổ chức ngành y tế: Xây dựng lộ trình và tổ chức kiện toàn hệ thống y tế tuyến tỉnh và huyện theo hướng giảm đầu mối và sử dụng có hiệu quả nguồn lực các tuyến, cụ thể như: đẩy nhanh việc sát nhập các đơn vị y tế dự phòng tuyến tỉnh thành Trung tâm kiểm soát bệnh tật. Các đơn vị y tế tuyến huyện sát nhập thành Trung tâm Y tế huyện đa chức năng. Từng bước triển khai mô hình bác sỹ gia đình vào hệ thống y tế của tỉnh.

+ Phát triển về số lượng cùng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế. Chấm dứt đào tạo, tuyển dụng nhân viên y tế theo hình thức cử tuyển. Huy động xã hội hóa đầu tư vào lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Có biện pháp nâng cao ý thức cho cán bộ y tế, ban hành quy chế phòng chống tiêu cực tại các cơ sở y tế công lập.

+ Xây dựng đề án nâng cao hiệu quả sử dụng trang thiết bị y tế đã được đầu tư đồng bộ, kết hợp với đề án huy động nguồn vốn tư nhân theo hình thức hợp tác công tư (PPP) để cung cấp các thiết bị y tế còn thiếu tại các cơ sở khám chữa bệnh.

+ Chủ động thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh. Thực hiện dự phòng toàn diện và có trọng điểm ưu tiên phòng chống các bệnh truyền nhiễm gây dịch nguy hiểm. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của chương trình tiêm chủng mở rộng. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế chú trọng công tác khám chữa bệnh cho các đối tượng chính sách và người nghèo.

+ Đẩy mạnh công tác thông tin giáo dục truyền thông về ATVSTP. Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, đặc biệt là tăng cường xử lý vi phạm để tăng tính răn đe; biểu dương các điển hình tiên tiến. Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật; đào tạo nguồn nhân lực, Labo xét nghiệm thuộc TTYT dự phòng tỉnh đạt chuẩn Quốc gia về kiểm nghiệm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

+ Xây dựng Kế hoạch phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới với theo Quyết định số 2348/QĐ-BYT ngày 5/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Tăng cường công tác quản lý và hoạt động y học cổ truyền. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, kế thừa, bảo tồn và phát triển đông y; kết hợp đông y với tây y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Hoàn thành xây dựng và tổ chức đi vào hoạt động hiệu quả Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Nông.

#### **- Về văn hóa, thông tin và thể dục, thể thao:**

+ Tập trung xây dựng đời sống, lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh, coi trọng văn hóa trong lãnh đạo, quản lý, văn hóa trong kinh doanh và văn hóa ứng xử. Thực hiện tốt phong trào xây dựng đời sống văn hóa mới sâu rộng trong

nhân dân. Xây dựng chương trình tiếp tục thực hiện và nâng cao chất lượng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá cơ sở”. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh, đặc biệt là dân tộc bản địa.

+ Xây dựng các phong trào toàn dân rèn luyện thể dục thể thao, đầu tư hệ thống cơ sở vật chất thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu cho nhân dân, tăng cường xã hội hóa đầu tư vào thể dục thể thao.

#### **- Về lao động và giải quyết việc làm:**

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin thị trường lao động; định kỳ cập nhật biến động thông tin thị trường lao động; tăng cường công tác giám sát và điều tiết quan hệ cung - cầu lao động trên thị trường lao động. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng dự báo, thông tin thị trường lao động ngắn hạn và dài hạn, phục vụ cho công tác hướng nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu của xã hội.

+ Thực hiện tốt công tác đào tạo và dạy nghề đáp ứng nhu cầu về lao động cho các doanh nghiệp. Đánh giá tổng thể nhu cầu sử dụng lao động của các cơ sở sản xuất, nhà máy, dự án, doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh để xây dựng kế hoạch, ngành nghề đào tạo nghề phù hợp với thực tế của địa phương. Đảm bảo đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm.

+ Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đưa lao động đi học nghề và làm việc ở nước ngoài. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từng bước tiếp cận chuẩn quốc tế để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có kỹ thuật, trình độ cao.

+ Mở rộng hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm, tạo điều kiện phát triển thị trường lao động. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa đào tạo nghề và đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề.

#### **- Về khoa học công nghệ:**

+ Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi các thành tựu công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu, quảng bá, giới thiệu các mô hình sản xuất, công nghệ hiệu quả cao. Tập trung nghiên cứu, chuyển giao các đề án khoa học công nghệ phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, chuyển giao cho người dân, tổ hợp tác, HTX và doanh nghiệp để nâng cao chất lượng, năng suất sản phẩm.

+ Thu hút nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, khuyến khích sáng tạo khoa học và công nghệ. Tạo lập thị trường dịch vụ khoa học công nghệ, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao trình độ công nghệ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, tạo lập thương hiệu cho các sản phẩm của địa phương.

+ Phát huy vai trò của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật, Hội văn học nghệ thuật trong việc tập hợp lực lượng nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định các chính sách, chủ trương phát triển kinh tế xã hội.



+ Triển khai nghiên cứu giống cây trồng phù hợp với diện tích đất hoàn thổ sau khi khai thác bô xít, chuyển giao công nghệ cho nhà đầu tư dự án.

- **Về thông tin và truyền thông:** Nâng cao hiệu quả hoạt động của các điểm phục vụ Bưu chính; Xây dựng hạ tầng thông tin phục vụ tốt công tác phòng chống thiên tai, an ninh quốc phòng. Chuyển đổi hạ tầng truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất từ công nghệ tương tự sang công nghệ kỹ thuật số, từng bước mở rộng vùng phủ sóng truyền hình đa dạng và phong phú, chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu và thu nhập của người dân.

+ Triển khai xây dựng Chính quyền điện tử. Ưu tiên phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Nhà nước. Các Sở, Ban, ngành và địa phương tiến hành xây dựng, nâng cấp và triển khai các hệ thống thông tin như: quản lý văn bản và chỉ đạo, điều hành, họp giao ban trực tuyến, điện tử.

+ Tập trung nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại, đổi mới chất lượng chính trị và chất lượng chuyên môn của các sản phẩm thông tin. Xây dựng một số phụ trương, chuyên đề; tăng dung lượng, số lượng phát hành và đổi mới các tờ báo in.

+ Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống thông tin truyền thông cơ sở (đài truyền thanh cơ sở) của tỉnh đảm bảo hoạt động tốt phục vụ công tác tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đồng thời góp phần hoàn thành nội dung số 08 của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

+ Đẩy mạnh công tác truyền thông và giảm nghèo về thông tin góp phần vào mục tiêu chung của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

#### - **Phát triển nguồn nhân lực:**

+ Nâng cao chuẩn tuyển công chức của tỉnh, ưu tiên tốt nghiệp khá, giỏi và các trường đại học uy tín, quy định chuẩn tối thiểu đầu vào tiếng anh theo các bằng cấp, chứng chỉ được quốc tế công nhận và các biện pháp nâng cao chất lượng từ chính sách, thi tuyển... Tiếp tục Đề án lựa chọn công chức ưu tú, có năng lực để gửi đi đào tạo ở nước ngoài, ngân sách tỉnh đảm bảo chi đủ thực hiện nhiệm vụ này. Đầu tư và đưa trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh hoạt động hiệu quả, lựa chọn đội ngũ giảng viên và quản lý kỹ càng, đảm bảo trình độ. Thu hút thêm các trường cao đẳng nghề uy tín, đại học mở phân viện hoặc chi nhánh đào tạo tại tỉnh. Ưu tiên các chương trình liên kết đào tạo. Nâng cao chất lượng đào tạo các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh, đủ khả năng thực hiện mục tiêu dạy nghề.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, chuyên nghiệp, hiện đại. Trong đó, đổi mới công tác tuyển dụng, tuyển chọn, giới thiệu bầu cử cán bộ, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật trên cơ sở tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức vụ, chức danh, theo quy trình chặt chẽ, trách nhiệm rõ ràng, công khai, minh bạch. Chấn chỉnh, khắc phục tình trạng kén chọn vị trí, chức danh; quy định cụ thể và thực hiện nghiêm về số lượng công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý cấp phó trong các cơ quan, đơn vị.

### **- Công tác an sinh xã hội:**

+ Triển khai có hiệu quả các chương trình, giải pháp giảm nghèo góp phần hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vươn lên trong cuộc sống. Tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản bằng cách đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức thực hiện chương trình giảm nghèo theo hướng phát huy nội lực.

+ Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho mục tiêu giảm nghèo, tăng hộ khá. Thực hiện cho vay vốn làm ăn, đào tạo nghề, giải quyết việc làm; thực hiện các chính sách ưu đãi, an sinh xã hội cho người nghèo và có chính sách khuyến khích phấn đấu vươn lên hộ khá.

+ Tiếp tục tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và giải quyết chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công. Duy trì và đẩy mạnh các phong trào vận động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo tốt hơn đời sống, tiếp tục vận động sự ủng hộ xây dựng mới nhà tình nghĩa, vận động tặng sổ tiết kiệm... cho các đối tượng chính sách.

### **10. Tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại**

- Quán triệt triển khai có hiệu quả các Nghị quyết về nhiệm vụ quân sự quốc phòng, cảnh giác không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh cả về tiềm năng và thế trận, xây dựng khu vực phòng thủ tinh, huyện vững chắc, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng an ninh, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng an ninh. Đặc biệt chú trọng tình hình an ninh biên giới, chuẩn bị đầy đủ mọi lực lượng, dự phòng ứng phó với mọi trường hợp có thể xảy ra trên thế chủ động.

- Đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh bạn và các tập đoàn, tổng công ty lớn của Trung ương. Mở rộng quan hệ có chiều sâu trong các nước thuộc Tam giác phát triển, trong đó: Chú trọng mở rộng quan hệ kinh tế với tỉnh Mondukiri, đầu tư mở một số cơ sở sản xuất, thương mại trên đất bạn.

- Duy trì nghiêm các hiệp định, quy chế biên giới giữa hai nước Việt Nam - Campuchia; thực hiện đúng quy trình, tiến độ công tác phân giới cắm mốc; công tác tuyên truyền đối ngoại biên phòng và tuyên truyền đặc biệt, quan hệ chặt chẽ với chính quyền và lực lượng vũ trang tỉnh Mudunkiri/Campuchia, cùng nhau xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển. Triển khai thực hiện tốt Đề án phát triển kinh tế xã hội khu vực biên giới tỉnh Đăk Nông giai đoạn 2018-2020.

### **11. Tập trung, đẩy mạnh và hoàn thành các chỉ tiêu cải cách hành chính, thực hiện tốt công tác nội chính, tư pháp**

- Đẩy mạnh thực hiện Đề án Cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), tích cực triển khai thực hiện các giải pháp để tăng bậc chỉ số năng lực cạnh tranh, nhằm từng bước tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, cải thiện mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh thuận lợi và có lãi.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch của UBND tỉnh nội dung, lộ trình thời gian cụ thể để triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về triển khai Nghị Quyết 18,19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Tập trung xây dựng hệ thống hành chính của nhà nước trong sạch, vững mạnh, đảm bảo quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả góp phần giữ vững ổn định chính trị và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Thực hiện mạnh mẽ việc phân cấp trong hệ thống hành chính đi đôi với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát thực thi công vụ. Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm tạo ra đội ngũ cán bộ công chức có trình độ chuyên môn, ý thức, trách nhiệm cao, phẩm chất đạo đức, phong cách làm việc tốt, tận tụy phục vụ nhân dân, có tính chuyên nghiệp cao.

- Tiếp tục tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Chủ động tích cực phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những biểu hiện tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ công chức, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ công chức trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đặt ra.

- Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; nắm chắc tình hình khiếu nại đông người để có kế hoạch giải quyết kịp thời ngay tại cấp cơ sở; thực hiện nghiêm túc việc tổ chức đối thoại với công dân trong quá trình giải quyết. Đảm bảo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật, hạn chế tối đa tình trạng đơn giải quyết tồn đọng kéo dài, quá hạn và vượt cấp.

Trên đây là báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, kính trình Tỉnh ủy, HĐND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã;
- Các tổ chức báo, đài trên địa bàn tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

## HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	UTH 2015	Kế hoạch 2016 - 2020					Mục tiêu 2016-2020	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016 - 2020						Ghi chú	
				KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020			TH 2016	KH 2017	KH 2018	Giai đoạn 2016-2018	KH 2019	KH 2020		Giai đoạn 2016-2020
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</b>																	
1	<b>Tổng sản phẩm trên địa bàn tính (theo giá cố định 2010)</b>	Tỷ đồng	14.776	16.198	17.321	19.376	20.855	22.757		15.170	16.243	17.759	19.100		20.547	22.859		
	<i>Trong đó:</i>																	
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	6.738	7.078	7.444	7.850	8.271	8.710		6.994	7.402	7.822	8.288		8.770	9.279		
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	2.007	2.638	2.934	4.018	4.499	5.239		2.023	2.189	2.800	3.135		3.470	4.524		
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	5.237	5.569	5.939	6.355	6.814	7.398		5.241	5.672	6.052	6.516		7.050	7.603		
	- Thuế	Tỷ đồng	794	913	1.004	1.153	1.271	1.410		912	980	1.085	1.161		1.257	1.453		
	<b>Tốc độ tăng trưởng</b>	%	106,76	109,62	106,93	111,86	107,63	109,12	Trên 9%	107,15	107,07	109,33	107,55	107,98	107,58	111,25	108,55	
	<i>Trong đó:</i>																	
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	104,96	105,06	105,16	105,45	105,36	105,31	5,27%	106,84	105,83	105,67	105,96	105,82	105,82	105,80	105,82	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	108,58	131,29	111,06	136,01	112,28	116,17	21,15%	107,52	108,21	127,91	111,96	115,72	110,69	130,37	117,46	
- Dịch vụ	%	107,72	106,33	106,65	107,01	107,22	108,57	7,15%	107,04	108,22	106,70	107,67	107,53	108,20	107,84	107,72		
- Thuế	%	111,58	115,01	109,98	114,82	110,22	110,95	12,17%	109,35	107,46	110,71	107,00	108,38	108,27	115,59	109,76		
2	<b>GRDP (giá hiện hành)</b>	Tỷ đồng	21.202	23.289	25.366	28.775	31.514	34.972		21.749	23.708	25.835	28.502		31.016	34.697		
	<i>Trong đó:</i>																	
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	10.860	11.594	12.403	13.291	14.231	15.229		11.290	11.870	12.706	13.675		14.512	15.381		
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	2.770	3.673	4.154	5.726	6.522	7.723		2.847	3.109	3.911	4.406		4.908	6.478		
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	6.584	6.856	7.493	8.208	9.008	10.025		6.507	7.513	7.804	8.936		9.725	10.670		
	- Thuế	Tỷ đồng	988	1.166	1.316	1.550	1.753	1.995		1.105	1.216	1.414	1.485		1.871	2.168		
<b>GRDP bình quân đầu người</b>	Triệu đồng	36,67	39,39	41,96	46,55	49,84	54,08	Trên 54	37,25	38,89	41,13	44,26		47,06	51,37			
3	<b>Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)</b>		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00		100,00	100,00		
	<i>Trong đó:</i>																	
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	51,22	49,78	48,90	46,19	45,16	43,55	43,55%	51,91	50,07	49,18	47,98		46,79	44,33		
	- Công nghiệp và xây dựng	%	13,06	15,77	16,38	19,90	20,70	22,08	22,08%	13,09	13,11	15,14	15,46		15,82	18,67		
	- Dịch vụ	%	31,05	29,44	29,54	28,52	28,58	28,67	28,67%	29,92	31,69	30,21	31,35		31,35	30,75		
- Thuế	%	4,66	5,01	5,19	5,39	5,56	5,70	5,70%	5,08	5,13	5,47	5,21		6,03	6,25			
4	<b>Tổng vốn đầu tư toàn xã hội:</b>	Tỷ đồng	9.347	10.646	13.333	15.234	16.981	18.011	14%	9.367	10.700	13.280	15.234	117,60	16.981	18.011		
5	<b>Xuất - Nhập khẩu:</b>																	
	<b>Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn</b>	Triệu USD	638	700	770	800	900	1.150	4.320	650	655	1.035	1.141		1.220	1.283		
	<b>Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn</b>	Triệu USD	228	120	125	130	140	150	665	207	122	166	164		170	176		
6	<b>Thu - Chi ngân sách:</b>																	
	<b>Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</b>	Tỷ đồng	1.405	1.610	1.724	2.013	2.241	2.513	Trên 12%	1.523	1.759	2.062	2.300	114,73	2.241	2.513		
	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	Tỷ đồng	4.545	4.614	5.696	6.256	6.966	7.757	11%	4.799	5.289	6.297	7.194		7.532	8.248		



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020						Lũy kế trung hạn đã bố trí	Phân bổ trong trung hạn					Tỷ lệ thực hiện/KH	Ước thực hiện/KH	Ghi chú
		Tổng cộng	572/QĐ-BKHĐT	1178/QĐ-BKHĐT	1865/QĐ-TTg 23/11/2018	Vốn TPCP giai đoạn 2014-2016	1172/QĐ-UBND		2016	2017	2018	Ước 2019	Ước 2020			
<b>TỔNG CỘNG</b>		9.256.795	2.899.542	2.431.053		63.000	3.281.700	5.226.230	1.534.225	1.476.971	2.129.194			56%		
<b>Phân bổ 90%</b>		8.409.801	2.899.542	1.845.659		63.000	3.020.100	5.223.433	1.534.225	1.476.971	2.126.397	1.679.023	1.593.185	62%	100%	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách địa phương</b>	3.020.100	0	0		0	3.020.100	1.852.421	532.736	686.030	633.655	583.839	583.840	61%	100%	Không bao gồm kinh phí trả nợ các khoản vay trước năm 2016
1	Thu sử dụng đất	869.000					869.000	482.200	110.000	179.600	192.600			55%		
2	Xổ số kiến thiết	97.000					97.000	56.000	17.000	20.000	19.000			58%		
3	Nguồn cân đối NSDP	2.054.100					2.054.100	1.314.221	405.736	486.430	422.055			64%		
	<i>Nguồn bổ sung cho cân đối NSDP</i>	249.500					249.500	86.930	4.545	45.000	37.385			35%		
<b>II</b>	<b>Nguồn Chương trình MTQG</b>	581.500	0	0		0	0	244.282	68.959	90.920	84.403	168.609	168.609	42%	100%	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	387.300			387.300			113.620	11.000	49.320	53.300			29%		
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	194.200			194.200			130.662	57.959	41.600	31.103			67%		
<b>III</b>	<b>Nguồn Chương trình mục tiêu hỗ trợ</b>	3.225.842	2.090.173	1.135.669		0	0	1.674.371	737.530	454.670	482.171	775.735	775.736	52%	100%	
1	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng	1.666.932	831.134	835.798				798.135	401.700	195.475	200.960			48%		
2	Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương	71.290	71.290					63.000	52.000		11.000			88%		
3	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	58.682	58.682					24.158	10.000	5.158	9.000			41%		
4	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	272.025	92.025	180.000				92.025	7.000	25.025	60.000			34%		
5	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	875.000	875.000					530.000	200.000	180.000	150.000			61%		
6	Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương	9.830	9.830					9.830	9.830					100%		
7	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa	14.400	14.400					9.000	6.000		3.000			63%		
8	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch	11.247	11.247					11.247	8.000	3.247				100%		
9	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm	111.265	111.265					68.765	28.000	30.765	10.000			62%		
10	Chương trình mục tiêu y tế - dân số	14.000		14.000				2.040			2.040			15%		

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020					Lũy kế trung hạn đã bố trí	Phân bổ trong trung hạn					Tỷ lệ thực hiện/KH	Ước thực hiện/KH	Ghi chú
		Tổng cộng	572/QĐ-BKHĐT	1178/QĐ-BKHĐT	1865/QĐ-TTg 23/11/2018	Vốn TPCP giai đoạn 2014-2016		1172/QĐ-UBND	2016	2017	2018	Ước 2019			
11	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo	81.000		81.000			40.000	15.000	15.000	10.000			49%		
12	Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	15.000		15.000			1.000			1.000			7%		
13	Hỗ trợ người có công theo quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	25.171	15.300	9.871			25.171			25.171			100%		
<b>IV</b>	<b>Nguồn TPCP</b>	<b>771.300</b>	<b>0</b>	<b>708.300</b>		<b>63.000</b>	<b>0</b>	<b>641.300</b>	<b>63.000</b>	<b>78.300</b>	<b>500.000</b>	<b>65.000</b>	<b>65.000</b>	<b>83%</b>	<b>100%</b>
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	34.000				34.000		34.000	34.000				100%		
2	Kiến cơ hóa trường lớp học mẫu giáo	78.300		78.300				78.300	78.300				100%		
3	Lĩnh vực y tế	29.000				29.000		29.000	29.000				100%		
4	Lĩnh vực thủy lợi	630.000		630.000				500.000		500.000			79%		
<b>V</b>	<b>Nguồn vốn ODA</b>	<b>811.059</b>	<b>809.369</b>	<b>1.690</b>				<b>811.059</b>	<b>132.000</b>	<b>167.051</b>	<b>426.168</b>	<b>85.840</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	
<b>VI</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>846.994</b>		<b>585.394</b>				<b>261.600</b>			<b>2.797</b>		<b>0%</b>		

\* Trong đó: Nguồn dự phòng NSTW (chương trình MTQG) là 416,576 tỷ đồng; Dự phòng nguồn TPCP là 78,7 tỷ đồng; Dự phòng nguồn ODA là 90,118 tỷ đồng; Dự phòng ngân sách địa phương là 261,6 tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	UTH 2015	Kế hoạch 2016 - 2020					Mục tiêu 2016-2020	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016 - 2020						Ghi chú	
				KH 2016	KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020			TH 2016	KH 2017	KH 2018	Giai đoạn 2016-2018	KH 2019	KH 2020		Giai đoạn 2016-2020
6	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	75	76	77	78	79	80	80%	74,5	73,97	77,76	78,0		79,0	80,0		Dự kiến đạt kế hoạch
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn văn hóa	%	14	16	17	18	19	20	20%	16,9	23,94	29,58	30,0		31,0	32,0		
	Tỷ lệ thôn, bon, buôn văn hóa	%	60	61	62	63	64	65	65%	68,7	71,37	75,79	73,0		75,8	76,0		
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa	%	85	86	87	88	89	90	90%	86,0	88,56	89,30	88,8		89,3	90,0		
7	<b>Môi trường:</b>																	Chỉ tiêu theo dõi, không đánh giá
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	39	40	40,5	41	41,5	42	42%	39	38,8	39,34	40		41,5	42		
	Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	5.000	1.101	1.020	2.146	1.834		1.000	1.000		
	Giám số vụ và diện tích rừng bị phá	%		50	50	50	50	50		Tăng 14% số vụ và 139% diện tích bị phá	Giảm 37% số vụ và giảm 66% diện tích bị phá	Tăng 49% số vụ và tăng 151% về diện tích	50		50	50		
8	<b>Nông thôn mới:</b>																	Dự kiến đạt kế hoạch
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	2	4	8	11	14	18	18	2	4	10	17		19	21		
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	9,5	10,6	11,7	12,8	13,9	15	1,1 tiêu chí/năm	9,5	11,03	11,7	12,8		13,9	15		



